

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: KINH TẾ HỌC**
- Số tín chỉ: 03**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các nguyên lý kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến cung cầu thị trường, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ. Đo lường sản lượng quốc gia, tốc độ tăng trưởng kinh tế, các chỉ số giá, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp của nền kinh tế. Giải thích các biến động vĩ mô trong nền kinh tế cũng như phân tích chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ và dùng để giải thích mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn và dài hạn.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản liên quan đến lý thuyết cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết về hành vi sản xuất và tiêu dùng. Ngoài ra SV còn được trang bị các kiến thức kinh tế học liên quan đến các chính sách vĩ mô như xác định sản lượng quốc gia, tổng cung- tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
Phần 1: Những vấn đề chung về kinh tế học Chương 1. Kinh tế học là gì? Chương 2. Kinh tế học vi mô, vĩ mô Chương 3. Đường giới hạn khả năng sản xuất	15	12	3
Phần 2. Kinh tế học vi mô Chương 1. Lý thuyết cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường Chương 2. Lý thuyết về hành vi tiêu dùng Chương 3. Lý thuyết về hành vi sản xuất	15	12	3
Phần 3. Kinh tế học vĩ mô Chương 1. Lý thuyết xác định sản lượng quốc gia	15	12	3

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
Chương 2. Tổng cung – tổng cầu Chương 3. Lạm phát và thất nghiệp			
Tổng	45	36	9

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Dân (2008), *Giáo trình kinh tế học vi mô*, NXB Tài Chính.
2. Nguyễn Văn Dân (2007), *Bài tập kinh tế học vi mô*, NXB Tài Chính.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 1&2

2. Số tín chỉ: 05 (03+02)**3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy****4. Ngành đào tạo: Luật học****5. Phân bổ thời gian: 75 tiết lý thuyết****6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kinh tế - Luật****7. Mô tả học phần:**

Ngoài Bài nhập môn, môn học có 12 chuyên đề, cơ cấu thành 12 bài; trang bị những kiến thức quan trọng về sự hình thành nhà nước, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước trong lịch sử; xác định được vai trò, vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị; nắm được khái quát về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Trang bị khá nhiều kiến thức chung về pháp luật. Người học sẽ có được cái nhìn toàn cảnh các vấn đề lý luận về pháp luật. Qua đó, nắm được nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật nhằm phân biệt được pháp luật với các hiện tượng khác. Đặc biệt, phần này giới thiệu và phân tích sâu sắc các chế định pháp luật về: *hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, áp dụng pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý,...*

8. Mục tiêu học phần:

- Sinh viên nắm được hệ thống các kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành.
- Đây là một trong những điều kiện có tính tiên quyết làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học sau, đặc biệt là các học phần về Luật.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
Bài nhập môn	01	01	0
1. Vị trí của môn học trong hệ thống khoa học xã hội và khoa học pháp lý 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa và yêu cầu của môn học			
Bài 2. Nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật	04	03	01
1. Nguồn gốc của Nhà nước 1.1. Một số học thuyết phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước 1.2. Học thuyết Mac- Lênin về nguồn gốc nhà nước 1.3. Khái niệm nhà nước – vị trí của Nhà nước trong Hệ thống chính trị 2. Nguồn gốc của Pháp luật 2.1. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật 2.2. Con đường hình thành pháp luật 2.3. Khái niệm pháp luật - Mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng khác			
Bài 3. Bản chất, đặc điểm của Nhà nước và pháp luật	04	03	01
1. Bản chất, đặc điểm của Nhà nước 1.1. Bản chất của nhà nước 1.2. Đặc trưng cơ bản của nhà			

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
nước 2. Bản chất, đặc điểm của Pháp luật 2.1. Bản chất của pháp luật 2.2. Đặc điểm của pháp luật			
Bài 4. Kiểu Nhà nước và pháp luật	04	03	01
1. Kiểu nhà nước 1.1. Khái niệm Kiểu nhà nước 1.2. Sự thay thế Kiểu nhà nước 1.3. Các kiểu nhà nước trong lịch sử 2. Kiểu pháp luật 2.1. Khái niệm kiểu pháp luật 2.2. Sự thay thế các kiểu pháp luật 2.3. Các kiểu pháp luật trong lịch sử			
Bài 5. Hình thức Nhà nước và hình thức pháp luật	04	03	01
1. Hình thức của nhà nước 1.1. Khái niệm 1.2. Các yếu tố tạo nên hình thức NN 1.3. Hình thức NN tồn tại trong các kiểu nhà nước 2. Hình thức của pháp luật 2.1. Khái niệm 2.2. Các hình thức pháp luật cơ bản			
Bài 6. Nhà nước CHXHCN Việt Nam	04	03	01
1. Bản chất, hình thức, kiểu nhà nước CHXHCN VN 2. Chức năng của nhà nước CHXHCN Việt Nam 3. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam			
Bài 7. Hệ thống pháp luật	04	03	01
1. Khái niệm Hệ thống pháp luật 2. Cấu trúc của hệ thống pháp luật 3. Các tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật 4. Hệ thống hóa pháp luật 5. Các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới			
Bài 8. Quy phạm pháp luật	04	03	01
1. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật 2. Phân loại các quy phạm pháp luật 3. Các bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật			
Bài 9. Quan hệ pháp luật	04	03	01
1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ PL 2. Thành phần (cấu trúc) của 1 quan hệ pháp luật 3. Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật			
Bài 10. Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật	04	03	01
1. Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật 2. Áp dụng pháp luật 3. Mối quan hệ giữa THPL với ADPL và các hình thức THPL khác			
Bài 11. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	04	03	01
1. Vi phạm pháp luật 2. Trách nhiệm pháp lý 3. Mối quan hệ giữa Vi phạm pháp luật với Trách nhiệm pháp lý			
Bài 12. Ý thức pháp luật, pháp chế XHCN và Cơ chế điều chỉnh pháp luật	04	03	01
1. Ý thức pháp luật 2. Pháp chế XHCN			

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
3. Cơ chế Điều chỉnh pháp luật			
Tổng cộng	45	35	10

10. Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Tâm (Chủ biên), Nguyễn Minh Đoan, Lê Hồng Hạnh (2004): *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Lịch sử Nhà nước và pháp luật**
- Số tín chỉ: 03**
- Hệ đào tạo: chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết; 15 tiết thực hành**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kinh tế - Luật**
- Mô tả học phần:**

Nội dung môn học được chia thành hai phần:

Phần 1: Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới, bao gồm 4 Chương:

Chương 1: Nhà nước và pháp luật thời kỳ cổ đại

Chương 2: Nhà nước và pháp luật thời kỳ phong kiến

Chương 3: Nhà nước và pháp luật thời kỳ Tư sản

Chương 4: Nhà nước và pháp luật thời kỳ Xã hội chủ nghĩa

Phần 2: Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, bao gồm 4 Chương:

Chương 5: Nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn hình thành.

Chương 6: Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc.

Chương 7: Nhà nước Việt Nam thời Phong kiến giai đoạn độc lập tự chủ (từ 939-1884).

Chương 8: Pháp luật Việt Nam thời Phong kiến giai đoạn độc lập tự chủ (từ 939 – 1884).

8. Mục tiêu học phần:

▪ **Kỹ năng:**

Sinh viên có khả năng lập luận và đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân, đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm kế thừa những nhân tố tích cực, khắc phục những yếu tố tiêu cực thuộc về di sản văn hoá pháp lý Việt Nam và thế giới trong việc xây dựng Nhà nước và pháp luật.

▪ **Nhận thức:**

Có được những kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, tồn tại và phát triển, tổ chức bộ máy nhà nước qua các giai đoạn lịch sử trên thế giới và Việt Nam.

Nắm được nội dung cơ bản của pháp luật qua các giai đoạn lịch sử (hoặc các kiểu pháp luật) ở Việt Nam và trên thế giới.

▪ **Thái độ:**

Sinh viên có thái độ trân trọng, giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị về văn hóa chính trị, pháp lý. Sinh viên biết phê phán yếu tố tiêu cực trong quá trình phát triển của lịch sử Nhà nước và pháp luật, đồng thời có ý thức phát huy ưu điểm, khắc phục những nhược điểm của hệ thống Nhà nước và pháp luật trong quá khứ.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
Phần I. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	22	15	7
Chương I: Nhà nước và pháp luật thời kỳ cổ đại. Bài 1: Nhà nước và pháp luật phương Đông cổ đại 1. Sự hình thành nhà nước Chiếm hữu nô lệ ở Phương Đông cổ đại 2. Pháp luật phương Đông cổ đại Bài 2: Nhà nước và pháp luật phương Tây cổ đại 1. Sự hình thành nhà nước Chiếm hữu nô lệ ở phương Tây cổ đại 2. Pháp luật phương Tây cổ đại	4	3	1
Chương II: Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Bài 3: Nhà nước và pháp luật phong kiến Tây Âu 1. Sự hình thành nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước 2. Pháp luật phong kiến Tây Âu Bài 4: Nhà nước và pháp luật phong kiến phương Đông 1. Sự hình thành nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước 2. Pháp luật phong kiến Tây Âu	6	4	2
Chương III: Nhà nước và pháp luật Tư sản Bài 5: Nhà nước Tư sản Bài 6: Pháp luật Tư sản 1. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật 2. Nhận xét pháp luật	6	4	2
Chương IV: Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa Bài 7: Nhà nước Xã hội chủ nghĩa Bài 8: Pháp luật Xã hội chủ nghĩa	6	4	2
Phần II. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	23	15	8
Chương V: Nhà nước và pháp luật VN giai đoạn hình thành I. Sự hình thành Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam II. Pháp luật Việt Nam giai đoạn hình thành	5	3	2
Chương VI: Nhà nước và pháp luật VN thời Bắc thuộc I. Nhà nước Việt Nam thời Bắc thuộc II. Pháp luật Việt Nam thời Bắc thuộc	6	4	2
Chương VII: Nhà nước thời phong kiến Việt Nam I. Nhà nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009) II. Nhà nước thời Lý – Trần – Hồ (1010 – 1407) III. Nhà nước thời Lê sơ (1428 – 1527) IV. Nhà nước thời nội chiến V. Nhà nước thời Nguyễn (1802 – 1884)	6	4	2
Chương VIII: Pháp luật thời phong kiến Việt Nam giai đoạn độc lập, tự chủ I. Pháp luật các giai đoạn trước thời Lê sơ	6	4	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
II. Pháp luật thời Lê sơ III. Pháp luật thời Nguyễn			
Tổng	45	30	15

10. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Cảnh Hợp và Đỗ Minh Khôi (2015), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia VN.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật Hiến pháp Việt Nam**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật Kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Môn học gồm 9 chương, trang bị kiến thức liên quan đến những nhóm quan hệ pháp luật cơ bản nhất được điều chỉnh bởi Luật hiến pháp. Những nội dung chính: Ngành luật hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, kinh tế, chế độ bầu cử của nước CHXHCN Việt Nam; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam: quốc hội, chính phủ, Chủ tịch nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án và Viện kiểm sát.

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức về bộ máy nhà nước, về địa vị pháp lý của công dân và một số chế định pháp luật khác (bầu cử, quốc tịch).

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát chung về Luật hiến pháp - Ngành luật HP Khoa học luật HP HP và Lịch sử lập hiến	04
Chương 2: Chế độ chính trị và chế độ kinh tế - Chế độ chính trị Chế độ kinh tế	04
Chương 3: Chế độ bầu cử - Khái niệm chế độ bầu cử - Sự phát triển của pháp luật bầu cử - Các nguyên tắc bầu cử - Nội dung cơ bản của pháp luật bầu cử hiện hành	04
Chương 4: Quốc tịch Việt Nam - Khái niệm Quốc tịch - Nội dung cơ bản của pháp luật về Quốc tịch Việt Nam hiện hành	04
Chương 5: Quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	04
Chương 6: Bộ máy Nhà nước - Chính thể Nhà nước - Tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam	05
Chương 7: Quốc hội - Khái quát chung về chế định Quốc hội	04

Nội dung	Số tiết
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội	
Chương 8: Chủ tịch nước - Khái quát chung về chế định Chủ tịch nước - Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước	04
Chương 9: Chính phủ - Khái quát chung về chế định Chính phủ - Nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ	04
Chương 10: HĐND và UBND - Hội đồng nhân dân - Ủy Ban nhân dân	04
Chương 11: Tòa án và viện kiểm sát - Hệ thống tòa án - Hệ thống Viện kiểm sát	04
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Mạnh Hùng, Lưu Đức Quang, Nguyễn Văn Trí (2014), *Xây dựng và bảo vệ Hiến pháp – Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam*, NXB Hồng Đức.
2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), NXB Tư pháp.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Luật học so sánh

2. Số tín chỉ: 02

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Luật học

5. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế

Lý luận cơ bản về luật học so sánh, các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới: hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, hệ thống pháp luật Anh-Mỹ, hệ thống pháp luật của một số nước Hồi giáo và của một số nước chịu ảnh hưởng của tôn giáo; hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật một số nước châu Á.

Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế.

7. Mục tiêu học phần:

▪ Về kiến thức

Nắm bắt được khái niệm, đặc điểm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh;

Hiểu được sự hình thành và phát triển của các hệ thống pháp luật trên thế giới; các chế định pháp luật đặc thù trong các hệ thống pháp luật điển hình; các nguồn luật và cách thức áp dụng chúng trong các hệ thống pháp luật trên thế giới;

Nắm bắt được kiến thức về hệ thống tòa án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của tòa án ở một số nước trên thế giới.

▪ Về kỹ năng

Phân tích, bình luận, đánh giá được các hệ thống pháp luật trên thế giới;

Vận dụng được các kiến thức so sánh pháp luật để đưa vào thực tiễn. Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình và làm việc nhóm của người học.

▪ Về thái độ:

Nâng cao nhận thức và có cái nhìn khách quan hơn về chính hệ thống pháp luật Việt Nam và các hệ thống pháp luật khác trên thế giới;

Ý thức nâng cao việc học và nghiên cứu ngoại ngữ nước ngoài.

8. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát về Luật So Sánh (LSS) 1. Khái niệm LSS 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của LSS 3. Mục đích và vai trò của LSS 4. Phân loại hệ thống pháp luật	4
Chương 2: Hệ thống pháp luật civil law 1. Khái quát về hệ thống pháp luật civil law	7

Nội dung	Số tiết
2. Nội dung của hệ thống pháp luật civil law 3. Nguồn của hệ thống pháp luật civil law 4. Pháp luật một số nước thuộc ht pháp luật civil law	
Chương 3: Hệ thống pháp luật common law 1. Khái quát về hệ thống pháp luật common law 2. Pháp luật Anh 3. Pháp luật Mỹ	7
Chương 4: Hệ thống pháp luật Hồi giáo 1. Khái quát hệ thống pháp luật Hồi giáo 2. Pháp luật các quốc gia Hồi giáo	5
Chương 5: Hệ thống pháp luật một số nước Châu Á 1. Hệ thống pháp luật Nhật Bản 2. Hệ thống pháp luật Trung Quốc	5
Ôn tập	2
Tổng	30

9. Tài liệu tham khảo

Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014. *Giáo trình Luật So Sánh*, NXB. Công An Nhân Dân.

10. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật Hình sự Việt Nam**
- 2. Số tín chỉ: 02**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành đào tạo: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật Kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

- Môn học Luật Hình sự là môn học truyền thống trong chương trình đào tạo cử nhân luật của nước ta. Đây là ngành luật quy định về tội phạm và hình phạt, là công cụ đắc lực nhà nước sử dụng trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.
- Việc hiểu biết Luật Hình sự đối với mọi người nói chung và với những sinh viên chuyên ngành luật kinh tế có ý nghĩa quan trọng vì sẽ giúp họ ý thức được những hành vi nào bị coi là tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, thông qua đó có ý thức trong việc tuân theo cũng như tự bảo vệ mình và người khác trong quá trình làm việc cũng như trong cuộc sống hàng ngày.
- Phần chung của Luật Hình sự quy định về tội phạm và hình phạt, những chế định liên quan tới hai nội dung này. Các quy định trong phần chung mang tính ứng dụng chung, nguyên tắc cho quá trình giải quyết vụ án hình sự. Phần các tội phạm cụ thể sẽ xác định những dấu hiệu pháp lý của từng tội danh liên đới tới lĩnh vực kinh tế.
- Cấu trúc môn học; môn học gồm hai phần:
 - Phần chung: tài liệu trình bày đầy đủ và chi tiết các nội dung thuộc phần chung.
 - Phần tội phạm cụ thể: để phù hợp với chuyên ngành đào tạo của trường (luật kinh tế) môn học chỉ tập trung ba chương: chương các tội xâm phạm sở hữu; chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; chương các tội phạm về chức vụ, trong các chương sẽ lựa chọn những tội mang tính chất điển hình để trình bày.

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về môn Luật Hình sự cả phần chung và phần các tội phạm cụ thể (trong đó tập trung vào phần chung và các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế). Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; nâng cao nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng:

- **Về kiến thức:**

Sinh viên cần nắm được những nội dung về ngành luật hình sự và đạo luật, chế định về tội phạm và những vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm và chế định hình phạt.

Về phần tội phạm cụ thể: sinh viên nắm được dấu hiệu pháp lý của các loại tội phạm kinh tế, phân biệt được các tội với nhau.

▪ **Về kỹ năng:**

Sinh viên có khả năng phân tích luật và có thể áp dụng để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm cũng như giải các bài tập để từ đó vận dụng vào thực tiễn.

▪ **Về thái độ:**

Sinh viên có ý thức tôn trọng pháp luật và có trách nhiệm đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; thông qua trả lời các câu hỏi ôn tập sinh viên rèn được bản lĩnh và kỹ năng trong quá trình giải quyết công việc sau này.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Nhận thức chung về Luật HSVN	3
A. Khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc của LHS I. Khái niệm LHS 1. Định nghĩa LHS 2. Đối tượng điều chỉnh của LHS 3. Phương pháp điều chỉnh của LHS II. Nhiệm vụ LHS III. Các nguyên tắc cơ bản của LHS B. Đạo luật HSVN I. Khái niệm đạo luật HS II. Cấu tạo đạo luật HS III. Hiệu lực của đạo LHS IV. Giải thích đạo luật hình sự	
Chương 2: Tội phạm và cấu thành tội phạm	6
A. Tội phạm: I. Khái niệm II. Phân loại tội phạm B. Cấu thành tội phạm: I. Khái niệm II. Phân loại CTTP III. Các yếu tố CTTP: 1. Khách thể 2. Mặt khách quan 3. Chủ thể 4. Mặt chủ quan	
Chương 3. Các giai đoạn thực hiện tội phạm	2
I. Khái niệm II. Chuẩn bị phạm tội 1. Định nghĩa 2. TNHS của giai đoạn chuẩn bị PT III. Phạm tội chưa đạt 1. Định nghĩa 2. Phân loại các trường hợp phạm tội chưa đạt 3. TNHS trong giai đoạn chuẩn bị PT IV. Tội phạm hoàn thành V. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội 1. Các điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội 2. TNHS trong tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội	
Chương 4. Đồng phạm	6
I. Khái niệm và các dấu hiệu của đồng phạm 1. Khái niệm 2. Các dấu hiệu của đồng phạm II. Các loại người đồng phạm 1. Người thực hành 2. Người tổ chức 3. Người xúi giục 4. Người giúp sức	

Nội dung	Số tiết
III. Các hình thức đồng phạm IV. TNHS trong đồng phạm V. Những hành vi liên quan đến đồng phạm cấu thành tội độc lập 1. Tội che giấu tội phạm 2. Tội không tố giác tội phạm	
Ch 5. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi	3
I. Khái niệm II. Phòng vệ chính đáng 1. Định nghĩa 2. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng 3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng 4. Phòng vệ tương đương III. Tình thế cấp thiết 1. Định nghĩa 1. Các điều kiện của tình thế cấp thiết 2. Vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết IV. Một số tình tiết khác	
Chương 6. Trách nhiệm hình sự và hình phạt	5
A. Trách nhiệm hình sự (TNHS) I. Khái niệm và cơ sở của TNHS 1. Khái niệm TNHS 2. Cơ sở của TNHS II. Thời hiệu truy cứu TNHS 1. Khái niệm 2. Điều kiện áp dụng B. Hình phạt I. Khái niệm hình phạt 1. Định nghĩa 2. Mục đích II. Hệ thống HP 1. Khái niệm 2. Các loại HP III. Quyết định HP 1. Khái niệm 2. Nguyên tắc quyết định HP 3. Căn cứ QĐHP 4. QĐHP trong trường hợp đặc biệt IV. Miễn chấp hành HP, giảm thời hạn chấp hành HP 1. Miễn chấp hành HP 2. Ân treo 3. Giảm thời hạn chấp hành HP 4. Hoãn chấp hành, tạm đình chỉ chấp hành HP tù V. Miễn TNHS, miễn HP 1. Miễn TNHS 2. Miễn HP VI. Các biện pháp tư pháp VII. Xóa án tích	
Ch 7. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội	2
I. Đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội II. Các loại hình phạt và biện pháp tư pháp thay thế hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 1. Các loại hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 2. Các biện pháp tư pháp được áp dụng đối với người chưa thành niên PT III. Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội 1. Nguyên tắc quyết định hình phạt 2. Quy tắc quyết định hình phạt 3. Tổng hợp hình phạt trong trường phạm nhiều tội IV. Giảm mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội	

Nội dung	Số tiết
V. Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội	
Chương 8. Các tội xâm phạm sở hữu	3
I. Khái niệm chung II. Các tội phạm cụ thể 1. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 2. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 3. Tội sử dụng trái phép tài sản 4. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	
Chương 9. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	5
I. Khái niệm chung II. Các tội phạm cụ thể 1. Tội buôn lậu 2. Tội vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới 3. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm 4. Các tội sản xuất, buôn bán hàng giả 5. Tội kinh doanh trái phép 6. Tội đầu cơ 7. Tội trốn thuế 8. Tội lừa dối khách hàng 9. Tội cho vay lãi nặng 10. Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả 11. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước 12. Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước 13. Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng 14. Tội lập quỹ trái phép 15. Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế 16. Tội quảng cáo gian dối 17. Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ 18. Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 19. Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan 20. Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp 21. Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên 22. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai 23. Tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng 24. Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng 25. Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện 26. Tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng 27. Tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng 28. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả 29. Tội làm, tàng trữ vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác 30. Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che dấu sự thật trong hoạt động chứng khoán 31. Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán 32. Tội thao túng giá chứng khoán	
Chương 10. Các tội phạm về chức vụ	5
I. Khái niệm chung II. Các tội phạm cụ thể	

Nội dung	Số tiết
1. Tội tham ô tài sản 2. Tội nhận hối lộ 3. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản 4. Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ 5. Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản 6. Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi 7. Tội giả mạo trong công tác 8. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng 9. Tội đưa hối lộ 10. Tội làm môi giới hối lộ 11. Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi	
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Beo (2010), *Luật Hình sự Việt Nam quyển 1 (phần chung)*, NXB Chính trị quốc gia.
2. Phạm Văn Beo (2010), *Luật Hình sự Việt Nam quyển 2 (phần các tội phạm)*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Trần Thị Quang Vinh (2015), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần chung)*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam,
4. Trần Thị Quang Vinh, *Tập bài giảng trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
5. Vũ Thị Thúy (2010), *Hình phạt tử hình trong Luật Hình sự Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
6. Bộ luật Hình sự 2015
7. Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự 2017
8. Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Tên học phần: Luật Dân sự Việt Nam 1&2**
2. **Số tín chỉ: 06 (03 + 03)**
3. **Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
4. **Ngành đào tạo: Luật học**
5. **Phân bổ thời gian:**
 - + **Luật Dân sự 1:** 45 tiết lý thuyết
 - + **Luật Dân sự 2:** 45 tiết lý thuyết
6. **Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật Kinh tế**
7. **Mô tả học phần:**
 - Môn học này đề cập đến các vấn đề chung của Luật Dân sự gồm hệ thống: các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể của các quan hệ tài sản và nhân thân;
 - Môn học này cũng đề cập đến các vấn đề như giao dịch dân sự; khái niệm, đặc điểm các loại nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; điều kiện phát sinh và hậu quả pháp lý của nghĩa vụ ngoài hợp đồng; nguyên tắc bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể;
 - Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế và phân tích các bản án.
8. **Mục tiêu học phần:**
 - **Về kiến thức**
 - Nhận ra được vai trò quan trọng của ngành Luật Dân sự;
 - Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản trong Luật Dân sự;
 - Nắm bắt được các kiến thức về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, nguồn của Luật Dân sự, nhiệm vụ và nguyên tắc của Luật Dân sự, chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế.
 - Nắm bắt được các kiến thức về giao dịch dân sự; khái niệm, đặc điểm các loại nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự, trách

nhệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; điều kiện phát sinh và hậu quả pháp lý của nghĩa vụ ngoài hợp đồng; nguyên tắc bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

▪ **Về kỹ năng**

- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định pháp luật dân sự liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế;
- Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế;
- Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình và làm việc nhóm của người học.

▪ **Về thái độ:**

- Tôn trọng pháp luật và những nguyên tắc trong quan hệ pháp luật dân sự;
- Ý thức tuyên truyền và phổ biến những quy định pháp luật dân sự trong cộng đồng.

9. Nội dung học phần

Luật Dân sự 1

Mục	Số tiết
Chương 1: Khái quát về Luật Dân sự Việt Nam	5
1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự 2. Nguồn gốc của Luật Dân sự 3. Nhiệm vụ, nguyên tắc của Luật Dân sự 4. Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự	
Chương 2: Cá nhân – Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự	7
1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân 2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân 3. Giám hộ Nơi cư trú	
Chương 3: Pháp nhân và các chủ thể khác của qhệ pháp luật dân sự	7
1. Pháp nhân Hộ gia đình và tổ hợp tác	
Chương 4: Đại diện, thời hạn, thời hiệu	5
1. Đại diện Thời hạn, thời hiệu	
Chương 5: Tài sản và quyền sở hữu	10
1. Tài sản 2. Quyền sở hữu	
Chương 6: Quyền thừa kế	8
1. Khái niệm và các nguyên tắc của quyền thừa kế 2. Thừa kế theo di chúc 3. Thừa kế theo pháp luật	
Ôn tập	3

Mục	Số tiết
Tổng	45

Luật Dân sự 2

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Giao dịch dân sự 1. Khái quát về giao dịch dân sự 2. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự 3. Giao dịch dân sự vô hiệu	7
Chương 2: Nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự 1. Nghĩa vụ dân sự 2. Trách nhiệm dân sự 3. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	13
Chương 3: Hợp đồng dân sự 1. Những quy định chung về hợp đồng dân sự 2. Các hợp đồng dân sự thông dụng	13
Chương 4: Quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 1. Quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 2. Những trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể	10
Ôn tập	2
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Nghị (2011), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 1)*, NXB Giáo dục.
2. Lê Đình Nghị (2011), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 2)*, NXB. Giáo dục.
3. Nguyễn Minh Tuấn (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự 2015*, NXB Tư pháp.
4. Bộ luật Dân sự 2015
5. Luật Hộ tịch 2014
6. Luật cư trú 2006 (sửa đổi, bổ sung 2013)
7. Luật Đất đai 2013
8. Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2017 Về đăng ký biện pháp bảo đảm
9. Quyết định 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 Về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện chung.
10. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật tài chính Nhà nước
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Là môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến tổ chức và sử dụng ngân sách nhà nước, gồm những nội dung chính sau: tổng quan luật ngân sách và mối liên hệ với tài chính công đương đại, cấu trúc ngân sách nhà nước, quy định về lập, chấp hành, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách nhà nước và nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan nhà nước các cấp trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

8. Mục tiêu học phần:

- Về phần lý luận:** môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về Luật Ngân sách nhà nước, bắt đầu từ việc tìm hiểu vấn đề nền tảng liên quan đến tài chính công với ngân sách nhà nước nói chung, sau đó sinh viên sẽ được tiếp cận tới phần kiến thức chính yếu của ngân sách nhà nước gồm: cấu trúc hệ thống ngân sách; tổ chức hệ thống ngân sách; quy trình lập dự toán ngân sách; quản lý quỹ ngân sách và cuối cùng là các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật ngân sách.
- Về kỹ năng:** thông qua cách thức phân tích tình huống, sinh viên củng cố lại lý thuyết đồng thời rèn luyện các kỹ năng phản biện, thuyết trình, kỹ thuật áp dụng pháp luật. Với những đáp án tìm được dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, sinh viên sẽ đánh giá được hiện trạng sử dụng và quản lý ngân sách từ phía các cơ quan nhà nước, với những kỹ thuật và trải nghiệm trong quá trình học, sinh viên có thể tự tin thực thi hoặc tư vấn cho các chủ thể những vấn đề liên quan tới ngân sách nhà nước.
- Về thái độ:** khả năng độc lập đánh giá các chính sách liên quan tới khu vực tài chính công, với hệ thống kiến thức được trang bị tương đối đầy đủ người học sẽ hình thành được các hành vi đúng đắn và chuẩn mực khi được tiếp cận, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Tổng quan về Luật Ngân sách nhà nước - Giới thiệu môn học - Một số vấn đề cơ bản của Luật Ngân sách NN; - Mối liên hệ giữa Luật Ngân sách NN với nền tài chính công đương đại.	7
Chương 2: Tổ chức hệ thống ngân sách ở VN - Lịch sử tổ chức NS ở VN; - Nội dung phân cấp tài chính; - Thẩm quyền phân cấp tài chính.	7
Chương 3: Trình tự lập dự toán ngân sách nhà nước - Thẩm quyền lập dự toán ngân sách NN; - Trình tự, thủ tục lập dự toán ngân sách NN.	4
Chương 4: Chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước - Chấp hành ngân sách nhà nước; - Quyết toán ngân sách nhà nước.	4
Chương 5: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước - Các chủ thể có thẩm quyền quản lý quỹ ngân sách nhà nước; - Chế độ quản lý quỹ ngân sách nhà nước.	4
Chương 6: Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước - Phân loại vi phạm pháp luật về ngân sách NN; - Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước	4
Tổng cộng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Tuyên (2014), *Giáo trình luật ngân sách nhà nước*, NXB Công An nhân dân.
2. Luật Ngân sách nhà nước 2015
3. Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu,...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Văn bản pháp luật**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Học phần này có các nội dung chính:

- Khái niệm hoạt động xây dựng văn bản pháp luật; Những nguyên tắc cơ bản của hoạt động xây dựng văn bản pháp luật; khoa học pháp lý và hoạt động xây dựng văn bản pháp luật;
 - Khái niệm xây dựng pháp luật, văn bản pháp luật; các qui tắc xây dựng văn bản qui phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật; soạn thảo văn bản pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước; soạn thảo văn bản pháp luật của hành chính nhà nước; soạn thảo văn bản pháp luật của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; một số loại văn bản quản lý thông dụng, kiểm tra và xử lý văn bản pháp luật.
- Mục tiêu học phần:**
 - Giúp cho sinh hiểu được những khái niệm cơ bản về xây dựng pháp luật; về kỹ thuật và trình tự thủ tục xây dựng văn bản pháp luật, thẩm quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật.
 - Giúp sinh viên có thể soạn thảo được các văn bản hành chính, văn bản qui phạm pháp luật hiện hành.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Ch 1. Những vấn đề chung về xây dựng văn bản pháp luật 1.1. Đối tượng và pp nghiên cứu của xây dựng văn bản 1.2. Các yêu cầu đối với việc nghiên cứu của môn học xây dựng văn bản pháp luật và soạn thảo văn bản pháp luật. 1.3. Khái niệm văn bản	3
Chương 2. Qui trình xây dựng văn bản pháp luật 2.1. Khái niệm qui trình xây dựng văn bản pháp luật 2.2. Qui trình xây dựng văn bản Qui phạm pháp luật	4

Nội dung	Số tiết
2.3. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật	
Chương 3. Các qui tắc xây dựng văn bản pháp luật 3.1. Khái niệm, ý nghĩa của các qui tắc 3.2. Các qui tắc xây dựng văn bản qui phạm pháp luật và áp dụng pháp luật	4
Ch 4. Mục đích yêu cầu và thể thức của văn bản pháp luật 4.1. Mục đích ban hành và các yêu cầu đối với văn bản pháp luật 4.2. Yêu cầu về thể thức văn bản	4
Chương 5. Văn bản pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước và của chủ tịch nước 5.1. Văn bản pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước. 5.2. Văn bản pháp luật của chủ tịch nước	3
Ch 6. Văn bản pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước 6.1. Khái niệm và đặc điểm . 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Đặc điểm 6.2. Chức năng của văn bản quản lý 6.2.1. Chức năng thông tin 6.2.2 . Chức năng pháp lý 6.2.3. Chức năng quản lý 6.3. Các loại hình văn bản quản lý 6.3.1. Văn bản pháp qui 6.3.2. Văn bản hành chính thông thường 6.4. Một số vấn đề kỹ thuật biên soạn văn bản quản lý hành chính 6.4.1. Yêu cầu chung 6.4.2. Thể thức của văn bản. 6.4.3. Ngôn ngữ và văn phong của văn bản quản lý. 6.4.4. Hành văn trong văn bản hành chính. 6.4.5. Về dấu câu 6.4.6 .Sử dụng từ ngữ 6.4.7. Quy trình biên tập một văn bản 6.4.8. Biên tập một số loại hình văn bản	4
Chương 7. Soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường 7.1. Công văn hành chính 7.2. Tờ trình 7.3. Thông báo 7.4. Biên Bản	4
Chương 8. Văn bản pháp luật của toà án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân 8.1. Văn bản pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân. 8.1.1. Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao 8.1.2. Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân 8.2. Văn bản pháp luật của Toà án nhân dân. 8.2.1. Nghị quyết của hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao. 8.2.2. Quyết định của chánh án toà án. 8.2.3. Bản án hình sự sơ thẩm.	4
Tổng cộng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Cảnh Hợp (2015), *Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật*, NXB Hồng Đức.
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015
3. Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.
4. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (bài tập nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Học phần này cung cấp phương pháp nghiên cứu và phân tích thông tin trong ngành luật. Ứng dụng trong thực hiện công trình nghiên cứu học tập, viết luận văn, báo cáo khoa học và các hoạt động học thuật liên quan đến ngành luật.

8. Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và phân tích luật viết cần thiết để ứng dụng vào việc học tập các môn chuyên ngành luật và phương pháp thực hiện một số công trình nghiên cứu khoa học luật (luận văn, niên luận...)

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1. Phương pháp nghiên cứu và phân tích luật viết 1. Khái quát chung về phương pháp nghiên cứu và phân tích luật viết 1.1. Khái niệm luật viết 1.2. Sự cần thiết của việc nghiên cứu và phân tích luật viết 1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu và phân tích luật viết 2. Các phương pháp nghiên cứu và phân tích chủ yếu 2.1. Phương pháp phân tích câu chữ 2.2. Phương pháp phân tích lịch sử 2.3. Phương pháp phân tích phát triển	15
Chương 2. Phương pháp thực hiện một công trình khoa học luật 1. Chuẩn bị thực hiện luận văn 2. Phần mở đầu của luận văn 3. Phần các chương của luận văn 4. Phần kết luận	15
Tổng cộng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Hồng Vân (2013), *Kỹ năng nghiên cứu và lập luận*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
2. Michel Beaud (2014), *Nghệ thuật viết luận văn*, NXB Tri thức.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức đánh giá: viết tiểu luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Công pháp quốc tế**
- Số tín chỉ: 03**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Luật Quốc tế (Công pháp quốc tế). Qua đó, người học có thể nắm được các vấn đề quan trọng của pháp luật quốc tế, như: Những vấn đề chung về Luật Quốc tế (nguồn luật, chủ thể, các nguyên tắc); Lãnh thổ và biên giới quốc gia; Luật Điều ước quốc tế; pháp luật về ngoại giao và lãnh sự; về hàng không dân dụng; và về Biển quốc tế.

8. Mục tiêu học phần:

- Về kiến thức:** Sinh viên có được kiến thức nền để dễ dàng nghiên cứu các môn học khác có liên quan, như Luật So sánh, Luật Thương mại quốc tế, Tư pháp quốc tế, ...
- Về kỹ năng:** Sinh viên có thể phân tích, đánh giá các vấn đề mang tính thời sự quốc tế nói chung và chủ quyền quốc gia Việt Nam nói riêng trong tình hình hiện nay.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về Luật Quốc tế 1. Khái niệm Luật quốc tế. 2. Đặc điểm cơ bản của Luật quốc tế. 3. Nguồn của Luật quốc tế. 4. Mối quan hệ giữa Luật quốc tế và Luật quốc gia. 5. Lược sử phát triển của Luật quốc tế. 6. Vai trò của Luật quốc tế.	05
Chương 2: Các nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế 1. Khái niệm. 2. Nguyên tắc Cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ	05

Nội dung	Số tiết
quốc tế. 3. Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình Sự hình thành nguyên tắc. 4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác 5. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ phải hợp tác với nhau 6. Nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết 7. Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia 8. Nguyên tắc Dacta Sant Sorvanda	
Chương 3: Chủ thể của Luật quốc tế hiện đại 1. Lý luận về chủ thể của Luật quốc tế hiện đại 2. Sự công nhận trong luật Quốc tế 3. Kế thừa trong luật Quốc tế hiện đại	05
Chương 4: Luật Điều ước quốc tế 1. Những vấn đề chung về Điều ước quốc tế 2. Ký kết Điều ước quốc tế 3. Hiệu lực pháp lý của Điều ước quốc tế	05
Chương 5: Lãnh thổ và biên giới quốc gia 1. Lãnh thổ quốc gia 2. Biên giới quốc gia	02
Chương 6: Dân cư trong luật quốc tế hiện đại 1. Khái niệm 2. Quốc tịch 3. Quốc tịch Việt Nam 4. Luật quốc tế và quyền con người	05
Chương 7: Luật Ngoại giao và Lãnh sự 1. Khái niệm 2. Các cơ quan quan hệ ngoại giao trong nước 3. Các cơ quan quan hệ ngoại giao nước ngoài	05
Chương 8: Luật Hàng không quốc tế 1. Những vấn đề lý luận về luật Hàng không quốc tế 2. Vùng trời, phi hành đoàn và phương tiện bay hàng không 3. Các nguyên tắc của Luật Hàng không quốc tế 4. Điều chỉnh pháp lý vận chuyển hàng không dân dụng quốc tế	06
Chương 9: Luật Biển quốc tế 1. Khái niệm Luật Biển quốc tế 2. Vùng Nội thủy 3. Vùng Lãnh hải 4. Vùng Tiếp giáp lãnh hải 5. Vùng Đặc quyền kinh tế 6. Thềm lục địa 7. Biển quốc tế và đáy đại dương	07
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

1. Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (2015), *Giáo trình Công pháp quốc tế - quyển 1*, NXB Hồng Đức.
2. Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (2015), *Giáo trình Công pháp quốc tế - quyển 2*, NXB Hồng Đức.

❖ Văn bản pháp luật

1. Hiến chương Liên Hợp quốc 1945
2. Tuyên bố về những nguyên tắc của Luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc 1970.
3. Công ước Viên 1969
4. Luật Điều ước quốc tế 2016
5. Luật Biển Việt Nam 2012
6. Luật Biên giới quốc gia 2003

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Tên học phần:** Tư pháp quốc tế
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
4. **Ngành đào tạo:** Luật học
5. **Phân bổ thời gian:** 45 tiết lý thuyết
6. **Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
7. **Mô tả học phần:**

Là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Trang bị cho sv kiến thức pháp luật về tư pháp quốc tế, giúp cho sv có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp sử dụng hiệu quả kiến thức của môn Tư pháp quốc tế với các môn học khác.

Tư pháp quốc tế mang lại sự hiểu biết quy định của pháp luật về các quan hệ giữa công dân và pháp nhân phát sinh trong đời sống quốc tế như quan hệ sở hữu, hợp đồng thương mại quốc tế, thừa kế, hôn nhân gia đình hoặc tổ tụng dân sự có yếu tố nước ngoài.... sẽ giúp cho sv có thể sử dụng pháp luật không những bảo vệ hữu hiệu lợi ích chính đáng của mình, mà còn có thể vận dụng tốt trong các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành. Bởi lẽ với chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, thì nhu cầu tìm hiểu pháp luật điều chỉnh về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của người dân cũng như các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

8. **Mục tiêu học phần:**

- **Về kiến thức:** Tư pháp quốc tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Sinh viên cũng sẽ có kiến thức nền tảng về xung đột pháp luật, giải quyết các vấn đề quyền sở hữu, hợp đồng, hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, ...
- **Về kỹ năng:** sinh viên có phương pháp tiếp cận pháp lý hiện đại về tư pháp quốc tế. Sv có khả năng tư vấn, soạn thảo, điều chỉnh các nội dung cơ bản trong các loại văn bản, hợp đồng dân sự có liên quan đến yếu tố nước ngoài.
- **Về thái độ:** giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc nghiên cứu, đánh giá các vấn đề pháp lý liên quan đến quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Lý luận chung về Tư pháp quốc tế I. Khái niệm, tên gọi Tư pháp quốc tế II. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế III. Nguồn của Tư pháp quốc tế	4
Chương 2: Chủ thể của Tư pháp quốc tế I. Người nước ngoài II. Pháp nhân nước ngoài III. Quốc gia - chủ thể đặc biệt của Tư pháp quốc tế	4
Chương 3: Xung đột pháp luật I. Khái niệm xung đột pháp luật II. Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật III. Các hệ thuộc cơ bản IV. Áp dụng pháp luật nước ngoài	4
Chương 4: Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế I. Thẩm quyền của Tòa án quốc gia II. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam III. Pháp luật điều chỉnh hoạt động tố tụng IV. Ủy thác tư pháp	4
Chương 5: Công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài nước ngoài I. Khái niệm II. Công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài III. Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài	4
Chương 6: Quyền sở hữu trong Tư pháp quốc tế I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu III. Quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	5
Chương 7: Hợp đồng trong Tư pháp quốc tế I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng trong tư pháp quốc tế III. Các loại hợp đồng có yếu tố nước ngoài	5
Chương 8: Thừa kế trong Tư pháp quốc tế I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế trong tư pháp quốc tế III. Gquyết xung đột về thừa kế có yếu tố nước ngoài tại VN	5
Chương 9: Quyền sở hữu trí tuệ trong Tư pháp quốc tế I. Khái niệm II. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ III. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	5
Chương 10: Hôn nhân và Gia đình trong Tư pháp quốc tế I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế III. Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	5
Tổng cộng	45

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Lê Thị Nam Giang (2011), *Tư pháp quốc tế*, NXB Đại học quốc gia thành phố HCM.

❖ Văn bản pháp luật

1. Bộ luật Dân sự 2015
2. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
3. Luật Quốc tịch 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014)
4. Nghị định 138/2006/NĐ-CP Hướng dẫn Bộ luật dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

- ### **11. Phương pháp đánh giá học phần**
- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
 - Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
 - Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Công chứng, chứng thực và giao dịch đảm bảo

2. Số tín chỉ: 02

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Luật học

5. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế

7. Mô tả học phần:

Cung cấp các kiến thức cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch đảm bảo và các thủ tục hành chính liên quan

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch đảm bảo và các thủ tục hành chính liên quan

9. Nội dung học phần

Chương 1: Khái niệm về công chứng và các thủ tục công chứng

Chương 2: Chứng thực

Chương 3: Giao dịch đảm bảo và các nguyên tắc trong giao dịch

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Lê Thu Hà (2010), *Giáo trình kỹ năng công chứng*, NXB Tư pháp

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Công chứng 2014

2. Bộ luật dân sự 2015

3. Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm

4. Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 2 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm

5. Nghị định 29/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đảm bảo nghĩa vụ**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Môn học này cung cấp các kiến thức pháp lý cơ bản về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ do luật quy định như bảo lãnh, thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược, bảo đảm bằng quyền cầm giữ tài sản trong hợp đồng song vụ, bảo đảm bằng quyền cầm giữ hàng hải, bảo đảm bằng quyền sở hữu trong hợp đồng mua trả chậm, trả dần và hợp đồng mua bán với điều kiện được chuộc lại tài sản... Các biện pháp này rất cần thiết trong việc đảm bảo cho nghĩa vụ dân sự được thực hiện tốt, góp phần quan trọng trong việc đề cao trách nhiệm của bên có nghĩa vụ và bảo vệ quyền lợi cho bên có quyền yêu cầu trong các quan hệ nghĩa vụ dân sự. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp thêm kiến thức về đăng ký giao dịch bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm...

8. Mục tiêu học phần:

Cung cấp các kiến thức cơ bản về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong luật Việt Nam nói chung và các biện pháp bảo đảm cụ thể như bảo lãnh, cầm cố, thế chấp, bảo đảm bằng quyền sở hữu, bảo đảm bằng quyền đặc quyền, ký cược, ký quỹ cũng như các kiến thức về đăng ký giao dịch bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm...

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Bài 1: Giới thiệu biện pháp bảo đảm nghĩa vụ 1. Khái niệm 2. Phân loại 3. Các qđịnh phluật về bảo đảm nghĩa vụ 4. Tầm qtrọng của các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ	4
Bài 2: Bảo đảm đối nhân – Bảo lãnh 1. Giới thiệu chung về bảo lãnh 2. Hợp đồng bảo lãnh	8
Bài 3: Bảo đảm đối vật 1. Giới thiệu chung về bảo đảm đối vật 2. Thế chấp tài sản 3. Cầm cố tài sản 4. Ký cược và ký quỹ 5. Bảo đảm bằng quyền sở hữu 6. Bảo đảm bằng đặc quyền	18
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình, sách

1. Lê Đình Nghị (2010), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam (tập 2)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Đỗ Văn Đại (2014), *Luật nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự Việt Nam: Bản án và bình luận bản án (Tập 1)*, NXB Chính trị quốc gia.

❖ Văn bản pháp luật

1. Bộ luật dân sự 2015
2. Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm
3. Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 2 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm.
4. Thông tư liên tịch 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài sản bảo đảm

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu,...).
- Thường xuyên: 30% (báo cáo nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng**
- 2. Số tín chỉ: 02**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành học: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Môn học này sẽ giới thiệu hai nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng.

Trong phần kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp sv có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Phần tiếp theo của môn học sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Sinh viên sẽ được giới thiệu tổng quát về khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến phát sinh trong quá trình làm việc sau này. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau sinh viên sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến.

Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng tương ứng.

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên làm quen, rèn luyện kỹ thuật đàm phán để thực hiện các giao dịch trong hoạt động kinh doanh của cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc.
- Nắm được các kỹ thuật soạn thảo các loại hợp đồng dân sự, thương mại phát sinh trong cuộc sống hoặc trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc.
- Nắm vững kỹ năng rà soát, xem xét các loại hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến

trong hoạt động kinh doanh của cơ quan, tổ chức.

- Hình thành kỹ năng bình luận, đánh giá các điều khoản cơ bản của hợp đồng để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của việc soạn thảo hợp đồng dân sự, thương mại.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Bài 1: Khái quát chung về hoạt động đàm phán 1. Khái niệm đàm phán hợp đồng 2. Các phương thức đàm phán hợp đồng 3. Các vấn đề cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán hợp đồng	4
Bài 2: Các giai đoạn của cuộc đàm phán 1. Giai đoạn chuẩn bị cho cuộc đàm phán hợp đồng 2. Giai đoạn tiến hành đàm phán hợp đồng 3. Giai đoạn kết thúc đàm phán hợp đồng	4
Bài 3: Kết thúc cuộc đàm phán hợp đồng 1. Xác định thời điểm kết thúc đàm phán 2. Kiểm tra lại nội dung đã đạt được trước kết thúc đàm phán 3. Cách thức kết thúc đàm phán	4
Bài 4: Khái quát chung về hợp đồng và soạn thảo hợp đồng 1. Khái niệm hợp đồng và các hình thức hợp đồng 2. Những vấn đề cơ bản khi soạn thảo một hợp đồng 3. Một số vấn đề hợp đồng mẫu và mẫu hợp đồng	4
Bài 5: Soạn thảo hợp đồng 1. Các bước tiến hành soạn thảo hợp đồng 2. Nội dung của hợp đồng 3. Hoàn tất việc ký kết hợp đồng	4
Bài 6: Thực hành kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng Thực hành kỹ năng đàm phán và soạn thảo một số hợp đồng phổ biến 1. Thực hành kỹ năng đàm phán hợp đồng thuê bất động sản 2. Thực hành kỹ năng đàm phán hợp đồng mua bán hàng hóa 3. Thực hành kỹ năng soạn thảo hợp đồng thuê bất động sản 4. Thực hành kỹ năng soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa	9
Ôn tập	1
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Sách

1. Lương Đức Cường (2008), *267 mẫu văn bản hợp đồng thường dùng trong lĩnh vực hành chính, tư pháp công chứng, chứng khoán, thương mại, đất đai, và nhà ở*, NXB Lao động xã hội.

2. Hoàng Anh (2010), *Kỹ năng soạn thảo, thiết kế hợp đồng kinh tế trong giao dịch kinh doanh và giải quyết tranh chấp hợp đồng theo các quy định mới và luật trọng tài thương mại - 171 mẫu văn bản hợp đồng mới nhất*, NXB Lao động.

❖ **Văn bản pháp luật**

1. Bộ luật Dân sự 2015
2. Luật Thương mại 2005
3. Luật Kinh doanh bất động sản 2014
4. Luật Nhà ở 2014

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (làm bài tập về soạn thảo hợp đồng).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Tổ chức kinh doanh quốc tế
- Số tín chỉ:** 03
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành học:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 45 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Nghiên cứu nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, điều chỉnh hoạt động của các tổ chức quốc tế. Tập trung nghiên cứu về pháp lý liên quan đến các tổ chức thương mại thế giới, hiệp hội các quốc gia, hiệp hội các nghiệp đoàn chuyên môn khác.

8. Mục tiêu học phần:

Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế điều chỉnh hoạt động của các tổ chức quốc tế. Tập trung phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến các tổ chức Liên hiệp quốc, tổ chức thương mại thế giới, liên minh châu Âu, hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, tổ chức các quốc gia châu Mỹ và tổ chức liên minh châu Phi.

9. Nội dung học phần

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Lý luận chung về các tổ chức quốc tế	3
Chương 2: Liên hiệp quốc (UN)	4
Chương 3: Tổ chức thương mại quốc tế (WTO)	6
Chương 4: Liên minh châu Âu (EU)	6
Chương 5: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	6
Chương 6: Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS)	6
Chương 7: Tổ chức liên minh châu Phi (AU)	12
Tổng	45

11. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Đà (2014), *Giáo trình pháp luật trong thương mại quốc tế*, NXB Đà Nẵng.
2. Dương Hữu Hạnh (2004), *Luật và các tổ chức thương mại quốc tế điển giải*, NXB Thống kê.
3. Hiến chương Liên Hiệp quốc 1945
3. Hiến chương ASEAN năm 2007
4. Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

12. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật cạnh tranh**
- 2. Số tín chỉ: 03**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành đào tạo: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Luật cạnh tranh là môn học cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Môn học được kết cấu bởi những nội dung chính sau: Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

8. Mục tiêu học phần:

- **Về kiến thức:**
 - Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh
 - Hiểu được nội dung các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh
 - Hiểu được thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh
- **Về kĩ năng:**
 - Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể.
 - Hình thành và phát triển kĩ năng so sánh, bình luận đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh.
 - Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường từ đó đưa ra phương hướng giải quyết.
 - Có kĩ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.
- **Về thái độ:**
 - Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường.

- Khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, quyền được tự do cạnh tranh của các chủ thể.

9. Nội dung học phần

Tên chương	Số tiết
Chương 1. Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 1.1. Khái quát về cạnh tranh 1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật cạnh tranh 1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam	3
Chương 2. Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh 2.1. Xác định thị trường liên quan 2.2. Sức mạnh thị trường	3
Chương 3. Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh 3.1. Khái quát về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh 3.2. Quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh VN	4
Chương 4. Pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và vị trí độc quyền 4.1. Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và vị trí độc quyền 4.2. Quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo luật cạnh tranh hiện hành	3
Chương 5. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế 5.1. Khái quát về tập trung kinh tế 5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam	3
Chương 6. Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh 6.1. Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh 6.2. Quy định của pháp luật VN về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh: 6.2.1. Chỉ dẫn gây nhầm lẫn 6.2.2. Xâm phạm bí mật kinh doanh 6.2.3. Ép buộc trong kinh doanh 6.2.4. Gièm pha doanh nghiệp khác 6.2.5. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác 6.2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh 6.2.7. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh 6.2.8. Phân biệt đối xử của hiệp hội 6.2.9. Bán hàng đa cấp bất chính	6
Ch 7. Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh 7.1. Tổ tụng cạnh tranh 7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm 7.3. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh	6
Ôn tập và kiểm tra	2
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Hà Thị Thanh Bình (2014), *Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại*, NXB Hồng Đức.
2. Phạm Hoài Huân (2013), *Pháp luật chống lạm dụng vị trí thống lĩnh độc quyền để hạn chế cạnh tranh về giá (Sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Nguyễn Văn Thung (2005), *Tìm hiểu Luật Cạnh tranh*, NXB chính trị quốc gia.
4. Luật Cạnh tranh 2004
5. Nghị định 71/2014/NĐ-CP quy định chi tiết luật cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.
6. Nghị định 116/2005/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Cạnh tranh
7. Nghị định 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật đất đai**
- Số tín chỉ: 03**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Môn Luật Đất đai là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về đất đai, môn học giúp cho svcó kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đất đai với các môn học khác. Sự hiểu biết quy định của pháp luật về các thủ tục hành chính về đất đai, quyền của người sử dụng đất, thẩm quyền hành chính và tư pháp trong giải quyết tranh chấp về đất đai, việc bồi thường giải tỏa... sẽ giúp cho svcó thể sử dụng pháp luật không những bảo vệ hữu hiệu lợi ích chính đáng của mình, mà còn có thể vận dụng tốt trong các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành, bởi lẽ với chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế hiện nay, thì nhu cầu tìm hiểu pháp luật về đất đai đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của người dân, đặc biệt đối với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, cũng như người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

8. Mục tiêu học phần:

Môn học hướng tới nghiên cứu các vấn đề chủ yếu sau:

- Lý luận chung về Luật Đất đai.
- Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai
- Chế độ quản lý nhà nước và điều phối về đất đai.
- Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất
- Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái niệm về Luật Đất đai I. Chế độ sở hữu đất đai và nhiệm vụ của Luật Đất đai II. Định nghĩa Luật Đất đai, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Đất đai	4

Nội dung	Số tiết
III. Các nguyên tắc của Luật Đất đai IV. Nguồn của Luật Đất đai	
Chương 2: Quan hệ pháp luật đất đai I. Khái niệm II. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật đất đai	3
Chương 3: Hoạt động quản lý nhà nước về đất đai I. Quản lý địa giới hành chính II. Khảo sát, đo đạc đất đai III. Quản lý hồ sơ địa chính và đăng ký quyền sử dụng đất IV. Thống kê, kiểm kê đất đai V. Hoạt động đánh giá đất và quản lý tài chính về đất đai	4
Chương 4: Điều phối đất đai cụ thể I. Khái niệm II. Các hoạt động điều phối đất đai	10
Chương 5: Quyền của người sử dụng đất I. Quyền chung của người sử dụng đất II. Quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất III. Quyền giao khoán đất IV. Quyền giao dịch về quyền sử dụng đất	9
Chương 6: Nghĩa vụ của người sử dụng đất I. Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất II. Nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất	9
Chương 7: Hoạt động thanh tra, xử lý hành vi vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai I. Thanh tra đất đai II. Xử lý vi phạm III. Giải quyết tranh chấp IV. Giải quyết khiếu nại	6
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Chí Dũng (2017), *Giáo trình luật đất đai*, Trường Đại học Nam Cần Thơ.
2. Trần Quang Huy (2012), *Giáo trình luật đất đai*, NXB Công an nhân dân.
3. Phan Trung Hiền, Phạm Duy Khanh (2015), *Cơ chế tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ*, NXB Chính trị quốc gia.
4. Luật Đất đai 2013
5. Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai
6. Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai
7. Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
8. Nghị định 45/2014/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật đầu tư quốc tế
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên giảng dạy):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

- Quá trình xây dựng và phát triển pháp luật về đầu tư.
- Chính sách nhà nước về đầu tư.
- Các hình thức đầu tư.
- Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đầu tư.
- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư.
- Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.
- Đầu tư ra nước ngoài.
- Quản lý nhà nước về đầu tư.

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đầu tư với các môn học khác. Sự hiểu biết chính sách của Nhà nước và qui định của pháp luật về hoạt động đầu tư kiếm lời của các thành phần kinh tế sẽ giúp cho sinh viên có những quyết định đúng đắn và hợp pháp trong hoạt động đầu tư, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình trong khuôn khổ pháp luật.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1. Quá trình xây dựng và phát triển pháp luật về đầu tư 1. Quan điểm và đường lối của Đảng về đầu tư của các thành phần kinh tế qua các thời kỳ. 2. Quá trình phát triển của pháp luật về đầu tư	3
Chương 2. Chính sách nhà nước về đầu tư 1. Nguyên tắc chung 2. Bảo đảm đầu tư 3. Ưu đãi đầu tư	3

Nội dung	Số tiết
4. Hỗ trợ đầu tư 5. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện 6. Lĩnh vực cấm đầu tư 7. Ban hành qui định	
Chương 3. Các hình thức đầu tư 1. Khái niệm về các hình thức đầu tư 2. Các hình thức đầu tư trực tiếp 3. Các hình thức đầu tư gián tiếp	6
Chương 4. Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đầu tư 1. Đăng ký dự án đầu tư trong nước 2. Đăng ký dự án đầu tư nước ngoài 3. Thẩm tra dự án đầu tư 4. Chấp thuận và cấp GCNĐT 5. Điều chỉnh dự án đầu tư 6. Hiệu lực của Giấy Chứng Nhận Đầu Tư	6
Chương 5. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư 1. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về đầu tư 2. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về đất 3. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về tài chính, ngân hàng 4. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về thương mại 5. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về lao động 6. Quyền của NĐT trong khu công nghiệp 7. Quyền của NĐT kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp	3
Chương 6. Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước 1. Nguyên tắc chung 2. Thẩm định dự án 3. Đầu tư vào tổ chức kinh tế 4. Đầu tư công ích 5. Đầu tư bằng vốn tín dụng phát triển 6. Đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước 7. Thay đổi nội dung dự án 8. Hoãn, đình chỉ, hủy bỏ dự án	3
Chương 7. Đầu tư ra nước ngoài 1. Khái niệm 2. Nguyên tắc chung 3. Lĩnh vực khuyến khích và cấm đầu tư 4. Nhà đầu tư ra nước ngoài 5. Quyền và nghĩa vụ của NĐT ra nước ngoài 6. Điều kiện đầu tư ra nước ngoài 7. Thẩm quyền cấp GCNĐT ra nước ngoài 8. Quy trình cấp GCNĐT ra nước ngoài 9. Chấm dứt hiệu lực của GCNĐT ra nước ngoài	3
Chương 8. Quản lý nhà nước về đầu tư 1. Nội dung QLNN về đầu tư 2. Trách nhiệm QLNN về đầu tư 3. QLNN về Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài 4. Giải quyết tranh chấp về đầu tư 5. Thi hành Luật Đầu Tư mới	3
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo:

1. Đoàn Trung Kiên (2009), *Giáo trình Luật đầu tư*, NXB Giáo dục.
2. Hà Thị Ngọc Oanh (2006), *Đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam*, NXB LĐXH.
3. Luật Đầu tư 2014.
4. Luật Đầu tư công 2014
5. Nghị định 118/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật hành chính Việt Nam**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành học: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Là môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động quản lý của nhà nước trong lĩnh vực hành pháp. Toàn bộ môn học được chia thành 4 chủ đề. Phần đầu dẫn nhập và tổng quan các vấn đề cơ bản liên quan đến ngành Luật hành chính, phần hai, giới thiệu về các chủ thể quan trọng của Luật hành chính, phần thứ ba, môn học cung cấp các kiến thức liên quan đến các hình thức và phương pháp quản lý hành chính và cuối cùng là một số biện pháp bảo đảm pháp chế và tổ tụng hành chính. Môn học này được thiết kế gồm 3 tín chỉ 45 tiết học, kết hợp giữa giảng bài truyền thống với thảo luận, thực hiện tương tác giữa người dạy và người học qua việc nghiên cứu tình huống, thuyết trình, phản biện của sv dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

8. Mục tiêu học phần:

- Về phần lý luận:** môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về ngành Luật hành chính, bắt đầu từ kiến thức nền tảng như quan điểm, nguyên tắc hay quy phạm pháp luật hành chính đến lượng kiến thức chuyên sâu như các loại chủ thể, các hình thức và phương pháp quản lý hành chính, cuối cùng là các thủ tục để bảo vệ quyền lợi bị xâm hại của các bên khi tham gia quan hệ pháp luật hành chính.
- Về kỹ năng:** thông qua cách thức phân tích tình huống, sinh viên củng cố lại lý thuyết đồng thời rèn luyện các kỹ năng phản biện, thuyết trình, kỹ thuật áp dụng pháp luật, sinh viên sẽ tự tin thực hiện các hoạt động thực tiễn.
- Về năng lực:** khả năng độc lập nhận biết, nghiên cứu và đánh giá các tình huống liên quan đến pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính.
- Về thái độ:** sinh viên được đào tạo để xây dựng hành vi và thái độ chuẩn mực của cơ quan nhà nước trong quản lý hành chính cũng như khả năng phản biện lại các chính sách của nhà nước, đưa ra được các kiến nghị với mục đích giúp nhà nước ban hành chính sách quản lý hành chính hiệu quả hơn.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Tổng quan về pháp luật hành chính - Giới thiệu môn học - Khái niệm; - Đặc điểm.	3
Chương 2: Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính - Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính;	3
Chương 3: Các nguyên tắc trong quản lý hành chính nhà nước - Khái niệm; - Các nguyên tắc cơ bản.	3
Chương 4: Cơ quan hành chính nhà nước - Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước; - Địa vị pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước.	3
Chương 5: Cán bộ, công chức, viên chức - Các khái niệm về cán bộ, công chức, viên chức; - Quy chế pháp lý cán bộ, công chức, viên chức; - Các vấn đề liên quan đến hoạt động công vụ.	2
Chương 6: Quyết định hành chính - Khái niệm, đặc điểm quyết định hành chính; - Phân loại quyết định hành chính; - Trình tự xây dựng và ban hành quyết định hành chính.	2
Chương 7: Thủ tục hành chính - Khái niệm, các nguyên tắc của thủ tục hành chính; - Chủ thể của thủ tục hành chính; - Phân loại thủ tục hành chính; - Các giai đoạn của thủ tục hành chính.	3
Chương 8: Vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính. - Vi phạm hành chính; - Trách nhiệm hành chính.	3
Chương 9: Khiếu nại, tố cáo hành chính - Khiếu nại và giải quyết khiếu nại; - Tố cáo và giải quyết tố cáo.	3
Chương 10: Tố tụng hành chính - Khái niệm, các nguyên tắc của tố tụng hành chính; - Thẩm quyền xét xử của tòa hành chính.	3
Chương 11: Tố tụng hành chính - Các giai đoạn của tố tụng hành chính; - Tổng kết môn học	2
Tổng cộng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Cửu Việt (2015), *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, NXB Hồng Đức.
2. Nguyễn Cửu Việt (2011), *Giáo trình luật hành chính nước ngoài*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Luật Hành chính công 2017
4. Luật Tố tụng hành chính 2015

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật hành chính đô thị
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Học phần Luật hành chính đô thị mang đến cho sinh viên cơ hội nghiên cứu một cách có hệ thống về những vấn đề pháp lý nổi bật ở Việt Nam hiện nay là quy hoạch xây dựng, thu hồi đất để thực hiện quy hoạch cũng như xây dựng các công trình. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện quy hoạch. Vấn đề sinh hoạt trong đô thị hiện đại, các tiện ích đô thị, sử dụng và bảo quản các công trình.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên tích lũy được những kiến thức pháp lý về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện quy hoạch xây dựng; quy trình thu hồi đất, bồi thường thiệt hại cho người có đất bị thu hồi để chuẩn bị mặt bằng cho việc xây dựng công trình đến những vấn đề căn bản như khởi công, trình tự thủ tục cấp và thực hiện giấy phép xây dựng... Với kiến thức pháp lý vững vàng được trang bị, sinh viên tự mình hoàn thiện các kỹ năng giải quyết những vụ việc phát sinh trên thực tế có liên quan đến nội dung Học phần một cách hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng sau này.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng 1. Những vấn đề chung 2. Quy hoạch xây dựng vùng 3. Quy hoạch xây dựng đô thị 4. Quy hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn	15
Chương 2: Thực hiện quy hoạch xây dựng 1. Những vấn đề chung về thu hồi đất trong quy hoạch xây dựng 2. Trình tự, thủ tục thu hồi đất 3. Bồi thường, hỗ trợ tái định cư 4. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong đền bù, giải phóng mặt bằng	15

Nội dung	Số tiết
Tổng cộng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Phan Trung Hiền (2009), *Giáo trình Luật Hành chính đô thị, nông thôn*, Trường Đại học Cần Thơ.

2. Luật Quy hoạch đô thị 2009

3. Nghị định 42/2009/NĐ-CP về việc phân loại đô thị

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật Hôn nhân và gia đình**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế.

8. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức:

- Hiểu được mối quan hệ giữa pháp luật hôn nhân gia đình với các quan hệ pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
- Nắm bắt được các kiến thức về khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; những quy định pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình; nắm được sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; tìm hiểu về các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam như: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

Về kỹ năng:

- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định pháp luật dân sự liên quan đến những quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình;
- Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến những quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình;
- Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình

và làm việc nhóm của người học.

Về thái độ:

- Tôn trọng pháp luật và những nguyên tắc trong quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình;
- Nâng cao ý thức học tập, nghiên cứu khoa học và tinh thần không ngừng học hỏi.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát về Luật Hôn nhân - gia đình <ul style="list-style-type: none">- Khái niệm và đặc điểm của hôn nhân – gia đình- Khái niệm Luật Hôn nhân – gia đình- Nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân – gia đình- Sự phát triển của Luật Hôn nhân – gia đình- Nguồn của Luật Hôn nhân – gia đình	3
Chương 2: Quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình <ul style="list-style-type: none">- Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình- Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình- Thực hiện và bảo vệ quyền, nghĩa vụ về hôn nhân gia đình- Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình	5
Chương 3: Kết hôn <ul style="list-style-type: none">- Kết hôn - Kết hôn trái pháp luật- Không công nhận quan hệ vợ chồng	5
Chương 4: Quan hệ giữa vợ - chồng <ul style="list-style-type: none">- Khái niệm - Nghĩa vụ và quyền nhân thân giữa vợ - chồng- Nghĩa vụ và quyền tài sản giữa vợ - chồng	5
Chương 5: Quan hệ giữa cha mẹ - con <ul style="list-style-type: none">- Căn cứ làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con- Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ - con- Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình	4
Chương 6: Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên <ul style="list-style-type: none">- Khái niệm và phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng- Phương thức cấp dưỡng -Các trường hợp cấp dưỡng- Thay đổi, tạm ngưng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng	2
Chương 7: Chấm dứt hôn nhân <ul style="list-style-type: none">- Một trong hai bên vợ chồng chết - Ly hôn	2
Chương 8: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài <ul style="list-style-type: none">- Khái quát về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài - Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài- Quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài	2
Ôn tập	2
Tổng cộng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Tiên (2015). *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.
2. Luật Hôn nhân gia đình 2014
3. Luật Hộ tịch 2014
3. Nghị định 126/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình
4. Nghị định 24/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật hợp đồng thông dụng
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Trong xã hội, con người luôn có những mối quan hệ với tự nhiên và cả với con người. Mối quan hệ giữa người với người được thực hiện ở nhiều phương diện khác nhau trong đó việc trao đổi mua bán và đây là một trong những động lực cho sự phát triển của xã hội. Môn Luật hợp đồng thông dụng sẽ giúp cho sinh viên xác định được từng loại hợp đồng, đặc điểm các loại hợp đồng đó và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng. Kể từ thời điểm giao kết, hợp đồng sẽ phát sinh hiệu lực mang tính bắt buộc đối với các bên giao kết và cả người thứ ba khi hợp đồng được giao kết một cách hợp pháp.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ có những kiến thức cơ bản về các hợp đồng thông dụng trong Luật dân sự Việt Nam. Đồng thời, sinh viên còn có những kỹ năng cần thiết trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự liên quan đến các hợp đồng dân sự Việt Nam.

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Các hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản có đền bù I. Hợp đồng mua bán tài sản II. Các hợp đồng khác chuyển quyền sở hữu có đền bù	7
Chương 2: Các hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản I. Hợp đồng thuê tài sản II. Hợp đồng mượn tài sản	5
Chương 3: Các hợp đồng cung ứng dịch vụ I. Hợp đồng dịch vụ II. Hợp đồng ủy quyền III. Hợp đồng gửi giữ	5
Chương 4: Hợp đồng vay tiền	3

Tên chương	Số tiết
Tổng	20

10. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Thanh (2011), *Giáo trình pháp luật về hợp đồng*, Trường Đại học Vinh.
2. Bộ luật Dân sự 2015

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật lao động**
- Số tín chỉ: 03**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Môn Luật Lao động là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động trong nền kinh tế thị trường hiện nay, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Lao động với các môn học khác. Sự hiểu biết những quy định pháp luật về lao động giúp cho sinh viên có cách quản lý phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.

8. Mục tiêu học phần:

- Lý luận chung về Luật Lao động; - Hợp đồng lao động
- Thỏa ước lao động tập thể; - Thời giờ làm việc -Thời giờ nghỉ ngơi
- Tiền lương; - Bảo hộ lao động; - Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất
- Bảo hiểm xã hội; - Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Lý luận chung về Luật Lao động I- Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Lao động II- Chủ thể của ngành Luật Lao động III- Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật Lao động	4,5
Chương 2: Hợp đồng lao động I- Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc ký kết và các loại HĐLĐ II- Đối tượng và phạm vi áp dụng HĐLĐ III- Giao kết và thực hiện HĐLĐ IV- Chấm dứt HĐLĐ	4,5
Chương 3: Thỏa ước lao động tập thể	4,5

Tên chương	Số tiết
I- Những vấn đề chung về thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể II- Nội dung, trình tự thương lượng tập thể & ký kết thỏa ước lao động tập thể	
Chương 4: Thời giờ làm việc – Thời giờ nghỉ ngơi I- Thời giờ làm việc II- Thời giờ nghỉ ngơi	4,5
Chương 5: Tiền lương I- Những vấn đề chung của tiền lương II- Chế độ tiền lương III- Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ lao động đối với việc trả lương IV- Một số qui định trả lương khác	4,5
Chương 6: Bảo hộ lao động I- Khái niệm và các nguyên tắc bảo hộ lao động II- Chế độ bảo hộ lao động III- Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ lao động đối với việc bảo hộ lao động IV- Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.	4,5
Chương 7: Kỷ luật lao động - Trách nhiệm vật chất I- Kỷ luật lao động II- Trách nhiệm vật chất của người lao động trong quan hệ lao động	4,5
Chương 8: Bảo hiểm xã hội I- Những vấn đề chung về bảo hiểm xã hội II- Bảo hiểm xã hội bắt buộc III- Bảo hiểm xã hội thất nghiệp	4,5
Chương 9: Giải quyết tranh chấp lao động và đình công I- Giải quyết tranh chấp lao động II- Đình công	4,5
Chương 10: Vai trò Công Đoàn đối với việc quản trị quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường I- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Công Đoàn. II- Thẩm quyền của Công Đoàn.	2
Chương 11: Quản lý nhà nước về lao động trong nền kinh tế thị trường I- Quản lý nhà nước về lao động. II- Các cơ quan quản lý nhà nước về lao động. III- Thanh tra nhà nước về lao động.	2,5
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

1. Lưu Bình Nhưỡng (2009), *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.
2. Bộ luật lao động 2012
3. Nghị định 05/2015/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động
4. Nghị định 44/2013/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động

5. Nghị định 11/2016/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

6. Nghị định 46/2013/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật lao động về tranh chấp lao động

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật Môi trường**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Trang bị những kiến thức về nội dung cơ bản của Luật Môi trường Việt Nam. Qua đó, người học có thể nắm được các vấn đề quan trọng của pháp luật về môi trường, như: pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn di sản và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; về các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

Trang bị những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường toàn cầu; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về Luật Môi trường, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh,...

Đây là một trong những điều kiện có tính tiên quyết làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành về Luật Kinh tế.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Bài 1: Khái niệm Luật Môi trường 1. Khái niệm Luật Môi trường 2. Khái quát sự hình thành và phát triển của Luật Môi trường VN 3. Nguồn của Luật Môi trường 4. Các nguyên tắc của Luật Môi trường	2
Bài 2: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường 1. Một số khái niệm 1.1. Ô nhiễm môi trường 1.2. Suy thoái môi trường 1.3. Sự cố môi trường 1.4. Kiểm soát ô nhiễm môi trường 2. Các hình thức pháp lý của kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường 2.1. Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường	6

Nội dung	Số tiết
<p>2.2. Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường</p> <p>2.3. Quan trắc và thông tin về môi trường 2.4. Quản lý chất thải 2.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường</p> <p>2.6. Khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường</p>	
<p>Bài 3: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường</p> <p>1. Kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p>1.1. Không khí và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người</p> <p>1.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p>1.3. Xử lý vi phạm về kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p>2. Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước</p> <p>2.1. Nước và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người</p> <p>2.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước</p> <p>2.3. Xử lý vi phạm về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước</p>	5
<p>Bài 4: Pháp luật về kiểm soát suy thoái môi trường</p> <p>1. Kiểm soát suy thoái đất Tài nguyên đất và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người</p> <p>1.1. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất</p> <p>1.2. Xử lý vi phạm về tài nguyên đất</p> <p>2. Kiểm soát suy thoái rừng</p> <p>2.1. Rừng và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người</p> <p>2.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng</p> <p>2.3. Xử lý vi phạm về kiểm soát suy thoái rừng</p> <p>3. Kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh</p> <p>3.1. Nguồn thủy sinh và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người</p> <p>3.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái thủy sinh</p> <p>3.3. Xử lý vi phạm về bảo vệ nguồn thủy sinh</p>	5
<p>Bài 5: Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt tới môi trường</p> <p>1. Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>1.1. Khái niệm và vai trò của đa dạng sinh học</p> <p>1.2. Cấu thành chủ yếu của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>2. Kiểm soát nguồn gen</p> <p>2.1. Hoạt động kiểm soát nguồn gen</p> <p>2.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát nguồn gen</p> <p>3. Kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt đến môi trường</p> <p>3.1. Kiểm soát hoạt động khoáng sản</p> <p>3.2. Kiểm soát hoạt động dầu khí</p> <p>3.3. Kiểm soát hoạt động xuất-nhập khẩu</p> <p>3.4. Kiểm soát hoạt động du lịch</p>	5

Nội dung	Số tiết
<p>Bài 6: Pháp luật về bảo tồn di sản và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên</p> <p>1. Pháp luật về bảo tồn Di sản</p> <p>1.1. Khái niệm Di sản văn hóa</p> <p>1.2. Di sản văn hóa liên quan trực tiếp đến môi trường và những dạng thể của nó trong pháp luật Việt Nam</p> <p>1.3. Quy định của pháp luật về công nhận và bảo vệ di sản văn hóa vật thể có liên quan đến môi trường</p> <p>1.4. Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo tồn di sản</p> <p>2. Pháp luật về bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên</p> <p>2.1. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p> <p>2.2. Bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư</p> <p>2.3. Bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác</p> <p>3. Trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ mình trước thiên nhiên</p> <p>3.1. Vệ sinh nơi công cộng</p> <p>3.2. Vệ sinh môi trường sống</p> <p>3.3. Vệ sinh cá nhân</p> <p>3.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm</p>	7
<p>Bài 7: Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo; và bồi thường thiệt hại về môi trường</p> <p>1. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường</p> <p>1.1. Thanh tra bảo vệ môi trường</p> <p>1.2. Xử lý vi phạm</p> <p>1.3. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường</p> <p>2. Giải quyết tranh chấp môi trường</p> <p>2.1. Khái niệm tranh chấp môi trường</p> <p>2.2. Các nguyên tắc cơ bản 2.3. Phương thức giải quyết</p> <p>2.4. Trình tự giải quyết</p> <p>3. Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường</p> <p>3.1. Các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại</p> <p>3.2. Giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường</p> <p>3.3. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường</p>	8
<p>Bài 8: Pháp luật Quốc tế về môi trường và vấn đề thực thi tại VN</p> <p>1. Pháp luật Quốc tế về môi trường</p> <p>1.1. Nguồn của Luật Quốc tế về Môi trường</p> <p>1.2. Vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ môi trường</p> <p>1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật Quốc tế về môi trường</p> <p>2. Vấn đề thực thi pháp luật quốc tế về môi trường tại Việt Nam</p> <p>2.1. Hợp tác toàn cầu và hợp tác khu vực</p> <p>2.2. Các quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam phát sinh từ các Công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm</p> <p>2.3. Vấn đề thực thi các nghĩa vụ cơ bản trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam</p>	7

Nội dung	Số tiết
2.4. Vấn đề thực thi các nghĩa vụ cơ bản phát sinh từ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia./.	
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh (2015), *Giáo trình Luật môi trường*, NXB Công an nhân dân.
2. Luật bảo vệ môi trường 2014
3. Nghị định 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường
4. Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
5. Nghị định 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật Tố tụng Dân sự**
- 2. Số tín chỉ: 03**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Môn Luật Tố tụng Dân sự là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Tố tụng Dân sự với các môn học khác. Sự hiểu biết qui định của pháp luật về hoạt động tố tụng trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân – gia đình, lao động, kinh doanh – thương mại sẽ giúp cho sinh viên có thể sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình cũng như của người khác trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn giúp cho sinh viên có thể vận dụng tốt trong các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành. Bên cạnh đó, với chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế hiện nay, thì việc nắm vững kiến thức pháp luật tố tụng dân sự để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, đầu tư là yêu cầu hết sức cần thiết.

8. Mục tiêu học phần:

- Tổng quan về Luật Tố tụng Dân sự;
- Thẩm quyền dân sự của Tòa án;
- Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự;
- Thủ tục giải quyết việc dân sự;
- Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài;
- Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài;
- Thi hành bản án, quyết định dân sự;
- Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự;

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Tổng quan về Luật Tố tụng Dân sự I. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự II. Nhiệm vụ và nguồn của luật tố tụng dân sự III. Chủ thể của luật tố tụng dân sự IV. Nguyên tắc của luật tố tụng dân sự	4,5
Chương 2: Thẩm quyền dân sự của Tòa án. I. Khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc phân định thẩm quyền dân sự của Tòa án II. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc III. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo cấp IV. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo lãnh thổ V. Thẩm quyền dân sự của Tòa án khi giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài	4,5
Chương 3: Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự. I. Chứng cứ II. Chứng minh	4,5
Chương 4: Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự I. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại biện pháp khẩn cấp tạm thời II. Thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	2,5
Chương 5: Án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng khác I. Án phí, lệ phí II. Chi phí tố tụng khác.	02
Chương 6: Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự I. Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm II. Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm III. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật	09
Chương 7: Thủ tục giải quyết việc dân sự I. Qui định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự II. Thủ tục xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân III. Thủ tục giải quyết yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết IV. Thủ tục giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động trọng tài thương mại Việt Nam	4,5
Chương 8: Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài & quyết định của Trọng tài nước ngoài I. Qui định chung II. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài III. Thủ tục xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam IV. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam	4,5

Nội dung	Số tiết
quyết định của Trọng tài nước ngoài	
Chương 9: Thi hành bản án, quyết định dân sự I. Qui định chung II. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án	2,5
Chương 10: Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự I. Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự II. Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự	2
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hoài Phương (2014), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

2. Nguyễn Thị Hoài Phương (2016), *Bình luận những điểm mới trong Bộ luật tố tụng dân sự 2015*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

3. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tố tụng dân sự : Dành cho thẩm phán, thẩm tra viên, hội thẩm, kiểm sát viên, luật sư, các học viên tư pháp (2013), NXB Văn hóa – Thông tin.

4. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

5. Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung 2014)

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật Tố tụng hình sự**
- 2. Số tín chỉ: 02**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Luật Tố tụng hình sự là môn học nghiên cứu về trình tự và thủ tục giải quyết vụ án hình sự. Ngày nay, nhà làm luật cũng như những người làm nghề luật ngày càng ý thức hơn vai trò quan trọng của lĩnh vực luật này. Một vụ án hình sự được giải quyết với trình tự nào, thủ tục thực hiện các hành vi tố tụng như bắt người, tạm giữ, tạm giam... như thế nào, thẩm quyền giải quyết của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra sao là do Luật TTHS điều chỉnh.

Việc khai thông hay tạo ra sự ách tắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự chủ yếu là do thực thi PL TTHS. Người kinh doanh vì các lý do nhất định mà phải tham gia vào TTHS thì cần ý thức được quyền và nghĩa vụ của mình tham gia vào TTHS là gì để bảo vệ tốt nhất cho lợi ích của mình.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung của Luật tố tụng hình sự, hệ thống chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS: Cơ quan tiến hành tố tụng; Người tiến hành tố tụng; Người tham gia tố tụng; Biện pháp ngăn chặn trong TTHS; Chứng cứ và chứng minh trong TTHS; Trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sv những lý luận cơ bản về môn Luật Tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; nâng cao nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng, góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống. Cụ thể:

- **Về kiến thức:**

Trang bị cho sinh viên hiểu biết về những vấn đề chung của luật Tố tụng hình sự cũng như những trình tự, thủ tục cụ thể của từng giai đoạn tố tụng.

- **Về kỹ năng:**
 - Xây dựng kỹ năng phân tích luật;
 - Xây dựng kỹ năng ban đầu trong giải quyết vụ án hình sự; Kỹ năng phát hiện những sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự từ phía cơ quan chức năng;
 - Kỹ năng làm việc nhóm.
- **Về thái độ:**
 - Hiểu được ý nghĩa của việc thực thi PL TTHS liên quan trực tiếp đến hiệu quả giải quyết vụ án hình sự, đến số phận con người mà xây dựng thái độ tôn trọng pháp luật trong quá trình thực thi pháp luật.
 - Xây dựng thái độ văn hóa pháp lý trong giao tiếp với các chủ thể tham gia tố tụng hình sự.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
<p>Chương 1: Khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự; chủ thể tiến hành và tham gia TTHS</p> <p>I. Khái niệm chung về luật TTHS</p> <p>1. Khái niệm luật TTHS</p> <p>2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật TTHS</p> <p>II. Nhiệm vụ của luật TTHS</p> <p>III. Các nguyên tắc của Luật TTHS.</p> <p>1. Một số nguyên tắc chung của luật TTHS</p> <p>2. Một số nguyên tắc đặc thù của luật TTHS</p> <p>IV. Chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng</p> <p>1. Cơ quan tiến hành tố tụng</p> <p>2. Người tiến hành tố tụng</p> <p>3. Người tham gia tố tụng</p>	7
<p>Chương 2. Chứng cứ và chứng minh trong TTHS</p> <p>I. Chứng cứ trong TTHS</p> <p>1. Khái niệm chứng cứ 2. Các thuộc tính của của chứng cứ</p> <p>3. Các loại nguồn của chứng cứ 4. Phân loại chứng cứ</p> <p>II. Chứng minh trong TTHS</p> <p>1. Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh</p> <p>2. Quá trình chứng minh</p> <p>a. Thu thập chứng cứ b. Kiểm tra chứng cứ</p> <p>c. Đánh giá chứng cứ</p>	5
<p>Chương 3. Biện pháp ngăn chặn trong TTHS</p> <p>I. Khái niệm và căn cứ áp dụng BPNC</p> <p>1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn</p>	5

Nội dung	Số tiết
<p>2. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn</p> <p>II. Các biện pháp ngăn chặn cụ thể</p> <p>1. Bắt người 2. Tạm giữ 3. Tạm giam 4. Cấm đi khỏi nơi cư trú 5. Bảo lãnh 6. Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo</p> <p>III. Huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn</p>	
<p>Chương 4. Các giai đoạn TTHS</p> <p>I. Khởi tố vụ án</p> <p>1. Khái niệm, nhiệm vụ</p> <p>2. Những quy định chung về khởi tố vụ án hình sự</p> <p>II. Điều tra vụ án hình sự và truy tố</p> <p>1. Điều tra vụ án hình sự</p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ</p> <p>b. Những quy định chung về điều tra vụ án hình sự</p> <p>2. Truy tố</p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ b. Những quy định chung về truy tố.</p> <p>III. Xét xử vụ án hình sự</p> <p>1. Xét xử sơ thẩm</p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ</p> <p>b. Những quy định chung về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự</p> <p>2. Xét xử phúc thẩm</p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ</p> <p>b. Những quy định chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự</p> <p>IV. Thi hành án hình sự</p> <p>1. Khái niệm, nhiệm vụ</p> <p>2. Những quy định chung về thi hành án hình sự</p>	10
<p>Chương 5. Thủ tục đặc biệt trong TTHS</p> <p>I. Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án</p> <p>1. Giám đốc thẩm 2. Tái thẩm</p> <p>II. Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>1. Khái niệm, ý nghĩa</p> <p>2. Đặc điểm việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.</p> <p>III. Thủ tục rút gọn</p> <p>1. Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn</p> <p>2. Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn.</p> <p>3. Đặc điểm việc điều tra, truy tố và XXST theo thủ tục rút gọn.</p>	3
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Võ Thị Kim Oanh (2015), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
2. Võ Thị Kim Oanh (2015), *Bình luận những điểm mới cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự 2015*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
3. Phương pháp nghiên cứu đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự và kỹ năng áp dụng pháp luật hình sự (2013), NXB Hồng Đức.
4. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015
5. Thông tư liên tịch 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC hướng dẫn Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do Bộ trưởng Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật thuế quốc tế**
- 2. Số tín chỉ: 03**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Khi nghiên cứu môn Luật Thuế, sinh viên phải nắm bắt được những nội dung sau:

- Khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế.
- Bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế.
- Các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt nam.
- Vai trò, mục tiêu của các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam.
- Những đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu - nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Nội dung quy định của pháp luật đối với các sắc thuế nêu trên.
- Chế độ pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật thuế.

8. Mục tiêu học phần:

Môn Luật Thuế trang bị kiến thức lý luận cơ bản về thuế, hiểu và nắm bắt đúng các khái niệm về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm... trong từng sắc thuế. Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế. Sau khi học xong môn luật thuế, sinh viên sẽ biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để vận dụng vào việc đọc văn bản luật nhằm áp dụng các quy định của pháp luật thuế một cách đúng pháp luật. Mục đích của môn luật thuế giúp sinh viên có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế như: Thanh tra thuế, thực hiện các công việc của cán bộ Hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Lý luận chung về thuế và pháp luật Việt Nam 1. Khái quát chung về thuế 1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế 1.2. Vai trò của thuế 1.3. Phân loại thuế. 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế 2.1. Khái niệm pháp luật thuế 2.2. Những nội dung cơ bản của một đạo luật thuế 2.3. Quan hệ pháp luật thuế	9
Chương 2: Pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ 1. Giới thiệu chung về pháp luật thuế hàng hóa, dịch vụ 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm chung 1.3. Vai trò của cả ba loại thuế 2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế hàng hóa, dịch vụ 2.1. Pháp luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.2. Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt 2.3. Pháp luật thuế giá trị gia tăng 2.4. Pháp luật thuế bảo vệ môi trường	9
Chương 3: Pháp luật thuế thu vào thu nhập 1. Khái quát chung về thuế thu vào thu nhập 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm chung 1.3. Vai trò 2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế thu vào thu nhập 2.1. Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2.2. Pháp luật thuế thu nhập cá nhân	9
Chương 4: Pháp luật thuế thu vào hành vi sử dụng một số tài sản nhà nước 1. Khái quát chung về thuế sử dụng một số tài sản của nhà nước 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm chung 1.3. Vai trò 2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế sử dụng một số tài sản của nhà nước 2.1. Pháp luật thuế sử dụng đất nông nghiệp 2.2. Pháp luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2.3. Pháp luật thuế tài nguyên	9
Chương 5: Pháp luật về quản lý thuế 1. Khái quát chung về quản lý thuế 1.1. Khái niệm quản lý thuế 1.2. Đặc điểm của quản lý thuế 1.3. Nguyên tắc trong hoạt động quản lý thuế 2. Nội dung của hoạt động quản lý thuế 2.1. Đăng ký, kê khai, tính thuế, ấn định thuế, nộp thuế 2.2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt 2.3. Quản lý thông tin về người nộp thuế 2.4. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế 2.5. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế	9

Nội dung	Số tiết
2.6. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế	
2.7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế	
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Nguyệt Châu (2009), *Giáo trình luật tài chính 1*, Trường Đại học Cần Thơ.
2. Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007 (sửa đổi bổ sung 2012)
3. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi, bổ sung 2013)
4. Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 (sửa đổi, bổ sung 2013)
5. Nghị định 65/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
6. Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
7. Nghị định 209/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng
3. Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế 71/2014/QH13 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thương mại 1
- Số tín chỉ:** 03
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 45 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế Mô tả học phần:
 - Trình bày các quy định pháp luật về thương nhân, chủ thể chính tham gia hoạt động thương mại và hành vi thương mại.
 - Các quy định pháp luật về đặc điểm và hoạt động của từng loại thương nhân, bao gồm các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.
 - Quy định pháp luật về Thành lập, tổ chức và quản lý các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.
 - Các quy định về việc góp vốn trong doanh nghiệp, các hình thức xử lý vốn của từng loại doanh nghiệp.
 - Các quy định về cách thức tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã.
- Mục tiêu học phần:**
 - **Về Kiến thức:**
 - Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về thương nhân.
 - Phân biệt được từng loại thương nhân với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện những ưu điểm, hạn chế của từng loại thương nhân.
 - Hiểu biết về việc thành lập, tổ chức lại và giải thể thương nhân.
 - Biết cách tổ chức quản lý hoạt động của các loại thương nhân phù hợp với quy định pháp luật nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận.
 - Hiểu biết về cách thức góp vốn và xử lý vốn trong hoạt động thương mại của từng loại thương nhân.
 - **Về kỹ năng:**
 - Có khả năng tư vấn hoặc tự mình thực hiện việc lựa chọn loại hình thương nhân thích hợp để kinh doanh; thủ tục đăng ký thành lập, giải thể, tổ chức lại loại hình thương nhân.
 - Có khả năng tư vấn hoặc tự mình tổ chức việc quản lý loại hình thương nhân tuân thủ pháp luật và mang lại hiệu quả kinh tế nhất.

- Có khả năng phân tích, bình luận những quy định pháp luật hoặc sự kiện thực tế liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, giải thể, tổ chức lại các loại hình thương nhân.
- **Về Nhận thức:**
- Có nhận thức và thái độ đúng đắn về tự do hoạt động thương mại của các thương nhân.
- Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật về kinh doanh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chung thương nhân, của nhà nước và xã hội.

8. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
<p>Chương 1: Khái quát về Luật thương mại</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm của luật thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Đặc điểm <p>2. Hành vi thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Đặc điểm - Phân loại <p>3. Thương nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Đặc điểm - Các loại thương nhân <p>4. Nguồn của luật thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản QPPL - Điều ước quốc tế - Tập quán thương mại 	03
<p>Chương 2: Những quy định chung về doanh nghiệp</p> <p>1. Khái niệm và phân loại doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm doanh nghiệp - Phân loại doanh nghiệp <p>2. Thành lập, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập doanh nghiệp Tổ chức lại doanh nghiệp Giải thể doanh nghiệp <p>3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp</p>	05
<p>Chương 3: Công ty trách nhiệm hữu hạn</p> <p>1. Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên</p> <p>1.1 Khái niệm và đặc điểm 1.2 Thành viên công ty</p> <p>1.3 Góp vốn, các hình thức xử lý vốn, chia cổ tức</p> <p>1.4 Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty</p> <p>2. Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và đặc điểm - Chủ sở hữu công ty - Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty 	07
<p>Chương 4: Công ty Cổ phần</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm</p> <p>2. Cổ phần, cổ phiếu cổ đông Cổ phần Cổ phiếu Cổ đông</p> <p>3. Các Quy định về vốn trong công ty:</p> <p>3.1 Góp vốn, chuyển nhượng và mua lại vốn góp</p> <p>3.2. Huy động vốn</p> <p>3.3. Tăng giảm vốn điều lệ</p> <p>3.4. Chia cổ tức</p>	10

Nội dung	Số tiết
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty .	
Chương 5: Công ty hợp danh 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Thành viên công ty Thành viên hợp danh Thành viên góp vốn 3. Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty	05
Chương 6: Doanh nghiệp tư nhân 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Quyền và nghĩa vụ của chủ DN đối với doanh nghiệp tư nhân - Quyền và nghĩa vụ của chủ DN ở phương diện doanh nghiệp - Quyền và nghĩa vụ của chủ DN ở phương diện sở hữu 3. Cơ cấu tổ chức và quản lý của DNTN	05
Chương 7: Một số quy định pháp luật đặc thù về doanh nghiệp có vốn Nhà nước 1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại DN có vốn Nhà nước 2. Chủ sở hữu nhà nước và cơ chế đại diện chủ sở hữu nhà nước 3. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước trong DN có vốn nhà nước 4. Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	03
Chương 8: Hộ kinh doanh 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Đăng ký kinh doanh, tạm ngừng và chấm dứt hoạt động của Hộ kinh doanh 3. Quyền và nghĩa vụ Hộ kinh doanh 4. Tổ chức quản lý hộ kinh doanh	02
Chương 9: Hợp tác xã 1. Khái niệm Hợp tác xã 2. Nguyên tắc hoạt động 3. Thành lập và đăng ký kinh doanh 4. Quyền và nghĩa vụ của HTX 5. Xã viên 6. Tổ chức quản lý hoạt động HTX 7. Tổ chức lại và giải thể HTX 8. Liên hiệp HTX và liên minh HTX	05
Tổng	45

9. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Huy Hồng (2012), *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

2. Bùi Xuân Hải (2015), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, NXB Hồng Đức
- Hội luật gia Việt Nam

3. Luật Doanh nghiệp 2014

4. Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp

5. Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

10. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).

- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).

- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật thương mại 2**
- 2. Số tín chỉ: 03**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Luật thương mại 2 là ngành luật chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về các hoạt động thương mại của thương nhân, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, hoạt động trung gian thương mại và xúc tiến thương mại.

Nội dung của môn học Luật thương mại 2 bao gồm những vấn đề sau đây:

- Pháp luật về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác.
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên chủ thể phát sinh qua các hợp đồng trong hoạt động thương mại
- Trách nhiệm pháp lý và chế tài thương mại được áp dụng đối với các chủ thể tham gia hoạt động thương mại có hành vi vi phạm.

8. Mục tiêu học phần:

▪ Về Kiến thức:

- Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về các hoạt động thương mại và phân biệt được từng loại hoạt động thương mại.
- Hiểu rõ tính chất luật định phát sinh từ hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại và các hoạt động thương mại khác.
- Biết được các hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài thương mại trong hoạt động thương mại.

▪ Về Kỹ năng:

- Có thể tư vấn hoặc tự mình tham gia các hoạt động thương mại, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền lợi của mình tốt nhất, phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong các hoạt động thương mại
- Có khả năng bình luận, phân tích, phản biện các quy định pháp luật hoặc các sự

kiện thực tế liên quan đến hoạt động thương mại.

▪ **Về nhận thức:**

- Có nhận thức và thái độ đúng đắn về tự do hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.
- Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật khi tham gia hoạt động thương mại nhằm bảo vệ quyền và lợi ích cho thương nhân, nhà nước và xã hội.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát về hoạt động thương mại 1. Hoạt động thương mại - Khái niệm hoạt động thương mại - Các loại hoạt động thương mại 2. Áp dụng luật đối với hoạt động thương mại 3. Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại	2
Chương 2: Pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa 1. Hoạt động mua bán hàng hóa - Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa - Xác lập hợp đồng và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng - Nội dung của hợp đồng - Thực hiện hợp đồng 2. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa - Khái niệm và đặc điểm - Khái quát về sở giao dịch hàng hóa - Hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa	07
Chương 3: Pháp luật về cung ứng dịch vụ thương mại 1. Khái quát về hoạt động cung ứng dịch vụ và hợp đồng cung ứng dịch vụ - Khái niệm và đặc điểm của cung ứng dịch vụ - Đặc trưng của pháp luật điều chỉnh hoạt động cung ứng dịch vụ - Hợp đồng cung ứng dịch vụ 2. Một số hoạt động thương mại dịch vụ cụ thể - Dịch vụ logistic - Dịch vụ quá cảnh hàng hóa - Dịch vụ giám định thương mại	07
Chương 4: Pháp luật về hoạt động trung gian thương mại 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về trung gian thương mại - Khái niệm và đặc điểm - Vị trí, vai trò của trung gian thương mại - Khái quát sự hình thành và phát triển của pháp luật về trung gian thương mại 2. Các hoạt động trung gian thương mại - Đại diện cho thương nhân	07

Nội dung	Số tiết
<ul style="list-style-type: none"> - Môi giới thương mại - Ủy thác mua bán hàng hóa - Đại lý thương mại 	
<p>Chương 5: Một số hoạt động thương mại khác</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Gia công hàng hóa 2. Đấu giá hàng hóa 3. Đấu thầu hàng hóa, dịch vụ 4. Cho thuê hàng hóa 5. Nhượng quyền thương mại 	08
<p>Chương 6: Pháp luật về xúc tiến thương mại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát về xúc tiến thương mại và pháp luật về xúc tiến thương mại 2. Các hoạt động xúc tiến thương mại cụ thể <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến mại - Quảng cáo thương mại - Trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ - Hội chợ, triển lãm thương mại 	07
<p>Chương 7: Chế tài thương mại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát về chế tài trong hoạt động thương mại 2. Các loại chế tài trong hoạt động thương mại <ul style="list-style-type: none"> - Buộc thực hiện đúng hợp đồng - Phạt vi phạm - Bồi thường thiệt hại - Tạm ngừng thực hiện hợp đồng - Đình chỉ thực hiện hợp đồng - Hủy bỏ hợp đồng - Các loại chế tài khác theo thỏa thuận của các bên 3. Khiếu nại trong hoạt động thương mại 	07
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Hồng (2012), *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
2. Bùi Xuân Hải (2015), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, NXB Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam
3. Luật Thương mại 2005
4. Nghị định 120/2011/NĐ-CP sửa đổi thủ tục hành chính tại Nghị định hướng dẫn

Luật Thương mại

5. Nghị định 37/2006/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thương mại 3
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên các quy định của pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại để xác định thẩm quyền giải quyết của các cơ quan; các hình thức giải quyết tranh chấp; địa vị pháp lý của trọng tài thương mại của Việt Nam; thủ tục tổ tụng trọng tài theo Pháp lệnh Việt Nam.

8. Mục tiêu học phần:

Học phần Pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp giúp sinh viên nắm bắt các quy định của pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại để xác định thẩm quyền giải quyết của các cơ quan; các hình thức giải quyết tranh chấp; địa vị pháp lý của trọng tài thương mại của Việt Nam; thủ tục tổ tụng trọng tài theo Pháp lệnh Việt Nam.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Pháp luật về phá sản Việt Nam 1. Những vấn đề chung về phá sản và pháp luật phá sản 1.2. Phân loại phá sản 1.3. Nội dung cơ bản của Luật Phá sản Việt Nam 1.4. Vai trò của pháp luật phá sản Việt Nam 2. Chủ thể tiến hành và tham gia quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản	15

Nội dung	Số tiết
2.1. Cơ quan tiến hành thủ tục phá sản: 2.2. Tổ quản lý, thanh lý tài sản 2.3. Chủ nợ 2.4. Doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản 3. Trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã 3.1. Thủ tục nộp đơn và thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản 3.2. Thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh 3.3. Thủ tục thanh lý tài sản 3.4. Tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	
Chương 2: Giải quyết tranh chấp thương mại 1. Khái quát tranh chấp kinh doanh thương mại và hình thức giải quyết tranh chấp 1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại 1.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại 2. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam 2.1. Các hình thức trọng tài thương mại 2.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 2.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp 2.4. Thi hành quyết định trọng tài 2.5. Hủy quyết định trọng tài	15
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

1. Dương Kim Thế Nguyên, 2008. *Giáo trình Luật Thương mại* 3. Trường Đại học Cần Thơ.
2. Luật Thương mại 2005
3. Nghị định 120/2011/NĐ-CP sửa đổi thủ tục hành chính tại Nghị định hướng dẫn Luật Thương mại
4. Nghị định 37/2006/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Tiếng Anh chuyên ngành pháp lý
- Số tín chỉ:** 03
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 45 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:** Tiếng Anh chuyên ngành Luật là một bộ môn đặc thù. Người học không chỉ cần nắm vững tiếng Anh (kiến thức ngôn ngữ), mà còn phải nắm bắt cả nội dung bài học (kiến thức chuyên ngành). Điều này đòi hỏi cả người dạy và người học phải có ý thức dạy và học cả nội dung ngôn ngữ, nội dung pháp luật, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghề luật. Cụ thể là:
 - Nội dung ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong 4 bài học
 - Kỹ năng ngôn ngữ: nói, nghe, đọc, viết
 - Nội dung pháp luật: những kiến thức cơ bản về hiến pháp, sự khác nhau giữa hiến pháp thành văn và hiến pháp bất thành văn, nhà nước Mỹ, bản chất và hình thức của tổ tụng hành chính.
 - Kỹ năng nghề nghiệp: xử lý văn bản pháp luật bằng tiếng Anh
- Mục tiêu học phần:** Giúp sv tập cách tư duy pháp luật bằng tiếng Anh thông qua các bài giảng có nội dung kiến thức pháp luật do các chuyên gia Luật viết bằng tiếng Anh. Sv sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về bản chất và các loại hợp đồng, các yếu tố liên quan đến hợp đồng, khái niệm cơ bản về luật công ty, cấu trúc vốn của công ty. Từ đó sinh viên có thể tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể
- Nội dung học phần**

Nội dung	Số tiết
Lesson 1: What is law? 1.1. Pre-text exercises 1.2. Learning vocabulary and grammar 1.3. What is law? 1.4. - Post-reading activities	11
Lesson 2 : The Rule of Law 2.1. - Pre-text exercises 2.2. - Learning vocabulary and grammar 2.3. The Rule of Law 2.4. - Post-reading activities	12

Nội dung	Số tiết
Lesson 3: The sanction of law 3.1 - Pre-text exercises 3.2 - Learning vocabulary and grammar 3.3 The sanction of law 3.4. - Post-reading activities	11
Lesson 4: The sanction of law (continued) 4.1. - Pre-text exercises 4.2. - Learning vocabulary and grammar 4.3. The sanction of law (continued) 4.4. - Post-reading activities	11
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

Rawdon Wyatt (2006), *Check your English Vocabulary for Law*

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Thi hành án dân sự
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:** Sự phát triển và các quy định của pháp luật VN hiện hành về thi hành án dân sự; các quy định chung của pháp luật về thi hành án dân sự; thủ tục thi hành án dân sự; các biện pháp cưỡng chế trong quá trình thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự.
- Mục tiêu học phần:**
 - Kiến thức:** Trang bị cho SV những kiến thức chuyên sâu về thi hành án dân sự theo pháp luật VN
 - Kỹ năng:** Từ thực tiễn thi hành án dân sự giúp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong quá trình thi hành án dân sự; rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn.
 - Thái độ, chuyên cần:** Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng.
- Nội dung học phần:**

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Những vấn đề chung về thi hành án dân sự 1.1. Khái niệm, vai trò và ý nghĩa của thi hành án dân sự 1.2. Khái quát chung pháp luật về thi hành án dân sự ở VN 1.3. Cơ quan có nhiệm vụ quản lý công tác và tổ chức thi hành án dân sự 1.4. Chấp hành viên, thủ trưởng cơ quan thi hành án 1.5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình thi hành án	6
Chương 2: Thủ tục thi hành án dân sự 2.1. Cấp bản sao bản án, quyết định của Tòa án 2.2. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án 2.3. Thẩm quyền ra quyết định thi hành án 2.4. Trường hợp thủ trưởng cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án	10

Tên chương	Số tiết
2.5. Tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án 2.6. Hoãn thi hành án 2.7. Tạm đình chỉ thi hành án 2.8. Đình chỉ thi hành án 2.9. Trả lại đơn yêu cầu thi hành án 2.10. Gửi các quyết định về thi hành án	
Chương 3: Các biện pháp cưỡng chế thi hành án 3.1. Kê biên và bán đấu giá tài sản 3.2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án 3.3. Trừ vào tài sản của người phải thi hành án đang do người khác giữ 3.4. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật 3.5. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà, chuyển quyền sử dụng đất 3.6. Cưỡng chế chấm dứt hành vi trái pháp luật	10
Chương 4: Giải quyết khiếu nại, tố cáo và kháng nghị trong thi hành án, xử phạt vi phạm 4.1. Khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của thủ trưởng cơ quan thi hành án, chấp hành viên 4.2. Kháng nghị quyết định thi hành án 4.3. Xử lý vi phạm	4
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

1. Chu Thị Trinh (2011), *Giáo trình Thi hành án dân sự (phần 1)*, Trường Đại học Vinh.
2. Chu Thị Trinh (2011), *Giáo trình Thi hành án dân sự (phần 2)*, Trường Đại học Vinh.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014)
2. Nghị định 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Tội phạm học
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật
- Mô tả học phần:** Tội phạm học là ngành khoa học xã hội pháp lý, có mối liên hệ chặt chẽ, sử dụng những số liệu và luận điểm khoa học của nhiều ngành khoa học khác nhau như: luật học, xã hội học, triết học, kinh tế học, tâm lí học, giáo dục học...Tội phạm học nghiên cứu về tình hình tội phạm; các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội và phương hướng cũng như các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm trong xã hội. Từ đó giúp sinh viên luật nhận thức được đặc điểm tình hình tội phạm nói chung và các loại tội phạm nói riêng trong xã hội. Những kiến thức này sau khi ra trường sinh viên có thể vận dụng để phân tích, đánh giá, đấu tranh phòng và chống các loại tội phạm một cách hiệu quả.
- Mục tiêu học phần:** Giúp SV nhận thức đặc điểm tình hình tội phạm, các nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm, nhận biết các đặc điểm nhân thân người phạm tội, tìm hiểu các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và các loại tội phạm nói riêng. Những kiến thức này sau khi ra trường sv có thể vận dụng để phân tích, đánh giá, đấu tranh phòng và chống các loại tội phạm và tội phạm cụ thể.
- Nội dung học phần:**

Tên chương	Số tiết
Bài 1: Những nhận thức chung về môn Tội phạm học	5
Bài 2: Tình hình tội phạm	5
Bài 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm	5
Bài 4: Nhân thân người phạm tội	5
Bài 5: Phòng ngừa tình hình tội phạm	5

Tên chương	Số tiết
Bài 6: Phòng ngừa một số loại tội phạm cụ thể	5
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyễn Thanh (2015), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

❖ Văn bản pháp luật

1. Bộ luật Hình sự 2015
2. Luật sửa đổi bổ sung luật hình sự 2017

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Luật Kinh doanh bảo hiểm**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Nội dung môn học Luật kinh doanh bảo hiểm bao gồm những vấn đề sau đây:

- Lý luận cơ bản về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm
- Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm.
- Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm
- Pháp luật về bảo hiểm tài sản
- Pháp luật về bảo hiểm con người
- Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự

8. Mục tiêu học phần:

▪ Về Kiến thức:

Luật kinh doanh bảo hiểm cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

▪ Về Kỹ năng:

Nhận diện được bản chất, đặc thù của các loại bảo hiểm, bản chất, đặc thù của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Tự soạn thảo hoặc tư vấn soạn thảo hợp đồng bảo hiểm, tự bảo vệ quyền lợi hoặc tư vấn bảo vệ quyền lợi trong quan hệ bảo hiểm.

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Lý luận cơ bản về Kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm: 1. Những vấn đề về kinh doanh bảo hiểm. 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3

Tên chương	Số tiết
Chương 2: Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm 1. Doanh nghiệp bảo hiểm 2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm 3. Đại lý bảo hiểm	5
Chương 3: Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm 1. Khái niệm, phân loại hợp đồng bảo hiểm. 2. Nội dung hợp đồng bảo hiểm 3. Giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm 4. Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm và phương thức giải quyết	5
Chương 4: Pháp luật về bảo hiểm tài sản 1. Khái niệm và đặc trưng của bảo hiểm tài sản 2. Phân loại bảo hiểm tài sản 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm tài sản 4. Giải quyết bồi thường bảo hiểm tài sản	5
Chương 5: Pháp luật về bảo hiểm con người 1. Khái niệm và đặc trưng của bảo hiểm con người 2. Phân loại bảo hiểm con người 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm con người 4. Giải quyết bồi thường bảo hiểm con người	5
Chương 6: Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự 1. Khái niệm và đặc trưng của bảo hiểm trách nhiệm dân sự 2. Phân loại bảo hiểm trách nhiệm dân sự 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự 4. Giải quyết bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự	5
Ôn tập	2
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Sách

Bùi Thị Hằng Nga (2015), *Pháp luật kinh doanh bảo hiểm*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000 (sửa đổi, bổ sung 2010)
2. Nghị định 73/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật Kinh doanh bất động sản**
- 2. Số tín chỉ: 02**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Sau khi học tập môn học này, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức pháp lý cho hoạt động kinh doanh BĐS ở Việt Nam, đặc biệt là các quy định về điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực BĐS. Bên cạnh đó, sau khi học tập môn học này, sinh viên phải hiểu được trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh một dự án BĐS như dự án khu nhà ở, dự án khu đô thị mới, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp của doanh nghiệp từ khi làm thủ tục dự án cho đến khi chủ đầu tư đưa vào khai thác dự án, cùng với các quy định pháp lý khác có liên quan đến giao dịch BĐS qua Sàn giao dịch, qua hoạt động định giá, môi giới BĐS,... của doanh nghiệp. Chính những kiến thức quan trọng đó sẽ giúp cho sinh viên có thể đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp về sau và cũng có liên quan thiết thực đến chính đời sống của bản thân họ sau này.

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh BĐS tại Việt Nam.
- Nghiên cứu, tìm hiểu các điều kiện áp dụng trong hoạt động kinh doanh BĐS
- Hiểu rõ được thế nào là kinh doanh BĐS và kinh doanh dịch vụ BĐS.
- Nắm rõ, soạn thảo được các loại hợp đồng, giao dịch phổ biến trong hoạt động kinh doanh BĐS
- Các vấn đề pháp lý của một dự án đầu tư kinh doanh BĐS. Trình tự, thủ tục pháp lý khi thực hiện một dự án đầu tư, kinh doanh BĐS.
- Các loại tranh chấp phổ biến trong hoạt động kinh doanh BĐS và cách giải quyết.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát chung về pháp luật kinh doanh bất động sản (BDS) I. Khái quát chung về thị trường BĐS và pháp luật kinh doanh BĐS II. Đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của Luật KD BĐS III. Các nguyên tắc cơ bản của Luật KD BĐS	3
Chương 2: Chủ thể kinh doanh trong thị trường BĐS I. Khái niệm và phân loại hoạt động kinh doanh BĐS II. Các điều kiện áp dụng cho từng hoạt động kinh doanh BĐS	4
Chương 3: Các hoạt động kinh doanh BĐS cụ thể I. Kinh doanh BĐS II. Kinh doanh dịch vụ BĐS	8
Chương 4: Hợp đồng trong kinh doanh BĐS và kinh doanh dịch vụ BĐS I. Khái niệm và đặc điểm của các hợp đồng kinh doanh BĐS II. Các loại hợp đồng kinh doanh BĐS cụ thể	4
Chương 5: Pháp luật về kinh doanh nhà ở I. Quyền sở hữu nhà ở II. Các giao dịch về nhà ở	4
Chương 6: Quản lý nhà nước đối với thị trường BĐS I. Các nội dung quản lý NN đối với hoạt động kinh doanh BĐS II. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động KD BĐS và biện pháp xử lý vi phạm	3
Chương 7: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh BĐS I. Các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh BĐS II. Cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh BĐS	3
Ôn tập	
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Sách

Đỗ Hậu, Nguyễn Đình Bồng (2015), *Quản lý đất đai và bất động sản đô thị*, NXB Xây dựng.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Kinh doanh bất động sản 2014
2. Nghị định 76/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: Luật thương mại quốc tế**
- 2. Số tín chỉ: 03**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành: Luật học**
- 5. Phân bổ thời gian: 45 tiết lý thuyết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 7. Mô tả học phần:**

Hệ thống kiến thức hoàn chỉnh về thương mại quốc tế cả ở góc độ thương mại quốc tế công và thương mại quốc tế tư, môn học Luật thương mại quốc tế bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Khái quát về Luật thương mại quốc tế
- Các thiết chế thương mại
- Quy chế thương mại hàng hóa
- Quy chế thương mại dịch vụ
- Quy chế thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
- Giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia
- Hợp đồng thương mại quốc tế
- Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
- Giải quyết tranh chấp thương mại giữa các thương nhân

8. Mục tiêu học phần:

▪ Về kiến thức:

Môn học Luật thương mại quốc tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về các nguyên tắc, quy định vận hành hoạt động thương mại quốc tế đồng thời nắm vững những vấn đề pháp lý chủ yếu liên quan đến các hợp đồng thương mại quốc tế cùng các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ đó.

▪ Về kỹ năng:

Sinh viên có cách tiếp cận đa chiều về hệ thống thương mại quốc tế. Sinh viên cũng có khả năng tư vấn, soạn thảo, điều chỉnh các nội dung pháp lý cơ bản trong các loại hợp đồng thương mại quốc tế.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát về Luật thương mại quốc tế 1. Tổng quan về thương mại quốc tế 2. Chủ thể của Luật thương mại quốc tế 3. Nguồn của Luật thương mại quốc tế 4. Nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại quốc tế	4
Chương 2: Các thiết chế thương mại 1. Các thiết chế thương mại trên thế giới 2. Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) 3. Một số thiết chế thương mại khu vực	4
Chương 3: Quy chế thương mại hàng hóa 1. Thuế quan 2. Các rào cản phi quan thuế 3. Các biện pháp phòng vệ thương mại 4. Một số lĩnh vực đặc thù	8
Chương 4: Quy chế thương mại dịch vụ 1. Khái quát về thương mại dịch vụ 2. Các phương thức cung ứng dịch vụ 3. Điều chỉnh pháp lý với một số ngành dịch vụ quan trọng	4
Chương 5: Quy chế thương mại của quyền sở hữu trí tuệ 1. Điều chỉnh đối với quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại qtế 2. Các quy chuẩn bảo hộ tối thiểu 3. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ 4. Những vấn đề tồn tại	4
Chương 6: Giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia 1. Khái quát về giải quyết tranh chấp thương mại của các quốc gia 2. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO 3. Cơ quan giải quyết tranh chấp WTO 4. Thủ tục giải quyết tranh chấp WTO	4
Chương 7: Hợp đồng thương mại quốc tế 1. Khái quát về hợp đồng thương mại quốc tế 2. Một số vấn đề pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế 3. Phân loại hợp đồng thương mại quốc tế.	4
Chương 8: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 1. Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 2. Nguồn điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. 3. Các điều khoản cơ bản 4. Những vấn đề pháp lý chủ yếu.	8
Chương 9: Giải quyết tranh chấp giữa các thương nhân 1. Tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế. 2. Giải quyết tranh chấp bằng phương thức tòa án 3. Giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài	4
Ôn Tập	1
Tổng	45

10. Tài liệu tham khảo

Trần Việt Dũng (2014), *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế - Phần 1*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

❖ Văn bản pháp luật

1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT 1994
2. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ - GATS 1994.
2. Hiệp định thực thi điều VII của hiệp định chung về thuế quan và thương mại - GATT (1994)
3. Hiệp định thực thi điều VI của hiệp định chung về thuế quan và thương mại - GATT (1994)

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Luật chứng khoán là môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán. Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Những vấn đề lý luận chung về thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán.
- Pháp luật về chào bán chứng khoán.
- Pháp luật về tổ chức giao dịch thị trường chứng khoán.
- Pháp luật về chủ thể kinh doanh trên thị trường chứng khoán.
- Pháp luật về quản lý nhà nước; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp cho sinh viên cụ thể hóa những kiến thức cơ bản, nền tảng về lịch sử hình thành, cơ chế hoạt động, chỉ báo Thị trường chứng khoán (TTCK); nắm vững các qui định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cho hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực mở tài khoản, mua bán chứng khoán và giải quyết các tranh chấp liên quan phát sinh từ hoạt động phát hành và giao dịch chứng khoán.

9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết
Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán. 1 Lý luận chung về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 1.1. Khái quát chung về chứng khoán.	6

Nội dung	Số tiết
1.2. Khái quát chung về thị trường chứng khoán. 2. Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2.1 Sự cần thiết phải ban hành pháp luật về thị trường chứng khoán ở Việt Nam. 2.2 Quan hệ pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2.3 Đặc điểm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2.4 Nguồn luật điều chỉnh thị trường chứng khoán.	
Chương 2. Pháp luật về chào bán chứng khoán 1. Khái quát chung về chào bán chứng khoán 1.1. Khái niệm, vai trò của chào bán chứng khoán. 1.2. Các phương pháp chào bán chứng khoán. 2. Pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng. 2.1 Khái niệm, các hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng. 2.2 Điều kiện, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng 2.3 Nghĩa vụ của chủ thể phát hành. 3. Pháp luật về chào bán chứng khoán riêng lẻ. 3.1 Khái niệm chào bán chứng khoán riêng lẻ. 3.2 Trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán riêng lẻ. 3.3 Trách nhiệm của chủ thể phát hành. 4. Chế độ pháp lý về công ty đại chúng 4.1 Cơ sở lý luận về công ty đại chúng. 4.2 Pháp luật về công ty đại chúng.	6
Chương 3. Pháp luật về tổ chức giao dịch thị trường chứng khoán 1. Tổng quan về thị trường giao dịch chứng khoán. 1.1. Khái niệm, chức năng 1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán. 2. Pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tập trung. 2.1 Sở giao dịch chứng khoán. 2.2 Thành viên sở giao dịch chứng khoán. 2.3 Niêm yết chứng khoán. 2.4 Giao dịch chứng khoán 3.4. Pháp luật về công bố thông tin trên TTCK	6
Chương 4. Pháp luật về chủ thể kinh doanh trên thị trường chứng khoán. 1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán. 1.1. Tổ chức, hoạt động của công ty chứng khoán. 1.2. Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. 2. Pháp luật về tổ chức, hoạt động của công ty đầu tư CK, công ty QLQ, quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát. 2.1 Công ty đầu tư CK 2.2 Công ty QLQ, Quỹ đầu tư chứng khoán. 2.3 Ngân hàng giám sát. 3. Pháp luật về tổ chức lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán.	6

Nội dung	Số tiết
<p>Chương 5. Pháp luật về quản lí nhà nước; xử lí vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>1. Quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>1.1. Cơ quan quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>1.2. Hoạt động thanh tra, giám sát TTCK</p> <p>2. Xử lí vi phạm và giải quyết tranh chấp trên TTCK</p>	6
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

1. Nguyễn Văn Tuyên (2011), *Giáo trình luật chứng khoán*, NXB Giáo dục.
2. Bùi Kim Yên (2009), *Giáo trình thị trường chứng khoán*, NXB Giao thông vận tải.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật chứng khoán 2006 sửa đổi bổ sung 2010
2. Nghị định 58/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán và Luật chứng khoán sửa đổi
3. Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 58/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Luật Chứng khoán sửa đổi.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Pháp luật về an sinh xã hội**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Học phần này cung cấp những vấn đề chung về luật an sinh xã hội, điều chỉnh các nhóm quan hệ trong lĩnh vực giải quyết việc làm, chống thất nghiệp, chăm sóc y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội. Kiến thức về ổn định và nâng cao mức sống của xã hội.

8. Mục tiêu học phần

Cung cấp những vấn đề chung về an sinh xã hội, những quy định pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ trong lĩnh vực giải quyết việc làm, chống thất nghiệp, chăm sóc y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, về bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội... Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản có thể vận dụng trong thực tiễn nhằm ổn định đời sống, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các thành viên trong xã hội, góp phần ổn định, phát triển và tiến bộ xã hội.

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Khái quát chung về Luật an sinh xã hội	4
Chương 2: Bảo hiểm xã hội	7
Chương 3: Chế độ ưu đãi xã hội	7
Chương 4: Chế độ cứu trợ xã hội	7
Chương 5; Tranh chấp An sinh xã hội	5
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Nguyễn Văn Định (2008), *Giáo trình an sinh xã hội*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật bảo hiểm xã hội 2014
2. Nghị định 115/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Pháp luật về sở hữu trí tuệ**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Nội dung môn học trình bày những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền với giống cây trồng và các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung môn học còn đề cập đến các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.

8. Mục tiêu học phần:

- Về kiến thức:** Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về các khái niệm, đặc điểm, bản chất, vai trò của sở hữu trí tuệ
- Về kỹ năng:** Phân biệt được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Biết được các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc theo các điều ước quốc tế.

- Về nhận thức:** Có nhận thức và thái độ, hành vi đúng đắn về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ trong cuộc sống.

Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo lợi ích cá nhân, quyền và lợi ích chung của nhà nước và xã hội.

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Khái quát về sở hữu trí tuệ 1. Khái niệm và đặc điểm sở hữu trí tuệ 2. Khái niệm và đặc điểm về quyền sở hữu trí tuệ 3. Đối tượng của quyền SHTT 4. Chủ thể của quyền SHTT	4
Chương 2: Quyền tác giả, quyền liên quan và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan	6

Tên chương	Số tiết
1. Quyền tác giả 2. Quyền liên quan	
Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 1. Quyền SHCN về sáng chế 2. Quyền SHCN đối với kiểu dáng công nghiệp 3. Quyền SHCN đối với Nhãn hiệu hàng hóa 4. Quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý 5. Quyền SHCN đối với tên thương mại 6. Quyền SHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 7. Quyền SHCN đối với Bí mật kinh doanh	10
Chương 4: Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp 1. Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp 2. Chuyển nhượng đối tượng sử dụng SHCN	7
Chương 5: Quyền với giống cây trồng và bảo hộ quyền với giống cây trồng 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Nội dung của quyền SHCN về kiểu dáng công nghiệp 3. Giới hạn quyền đối với giống cây trồng	3
Tổng	30

8. Tài liệu tham khảo:

❖ Giáo trình

Lê Nét, Nguyễn Văn Quang (2015), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung) 2009
2. Nghị định 85/2011/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 100/2006/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.
3. Nghị định 103/2006/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
4. Nghị định 104/2006/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.
5. Nghị định 122/2010/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
6. Nghị định 119/2010/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 105/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

9. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Pháp luật về thanh tra
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Học phần này sẽ giúp cho người học có những kiến thức cơ bản về thanh tra, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Sinh viên cũng nắm được những tiêu chuẩn cơ bản để trở thành thanh tra viên, các quy tắc ứng xử của thanh tra, trình tự thủ tục tiến hành cuộc thanh tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động của cơ quan thanh tra.

8. Mục tiêu học phần:

Môn học này giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của thanh tra (thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân).

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Một số vấn đề có tính lý luận về xác định mô hình và cơ cấu tổ chức Thanh tra Nhà nước	3
Chương 2: Tổ chức bộ máy Thanh tra nhà nước hiện nay	3
Chương 3: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra nhà nước	3
Chương 4: Thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra	3
Chương 5: Tổ chức và hoạt động của Thanh tra nhân dân	3
Chương 6: Trình tự tiến hành thanh tra	4
Chương 7: Chứng cứ trong hoạt động thanh tra	3
Chương 8: Xử lý kết quả thanh tra	4
Chương 9: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động của thanh tra	4
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Tài liệu hướng dẫn học tập

Võ Nguyễn Nam Trung, Lâm Bá Khánh Toàn (2012), *Tài liệu hướng dẫn học tập Pháp luật về thanh tra*, Trường Đại học Cần Thơ.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Thanh tra 2010

2. Nghị định 159/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Pháp luật về xuất nhập khẩu**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:**

Môn học Pháp luật xuất nhập khẩu là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành đào tạo để phối hợp tốt với kiến thức của các môn học khác.

8. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức: Pháp luật xuất nhập khẩu trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu, pháp luật về xuất nhập khẩu và những quy trình, thủ tục có liên quan khi tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu. Sinh viên sẽ có kiến thức nền tảng về quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan....

Về kỹ năng: Sinh viên có phương pháp tiếp cận đến các hoạt động xuất nhập khẩu phù hợp cơ chế pháp lý hiện hành. Sinh viên có khả năng tư vấn, soạn thảo tài liệu, điều hành các hoạt động xuất nhập khẩu cụ thể.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết
Chương 1: Khái quát về pháp luật xuất nhập khẩu I. Khái niệm Pháp luật xuất nhập khẩu II. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Pháp luật xuất nhập khẩu III. Nguồn của Pháp luật xuất nhập khẩu	5
Chương 2: Quản lý hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu I. Khái quát về quản lý hành chính trong pháp luật xuất nhập khẩu II. Chủ thể của hoạt động xuất nhập khẩu III. Xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu	5
Chương 3: Hệ thống thủ tục hải quan I. Hệ thống hải quan Việt Nam II. Thủ tục hải quan	5

Nội dung	Số tiết
III. Những thông lệ trên thế giới IV. Một số quy định đặc thù	
Chương 4: Các loại hợp đồng phổ biến trong hoạt động xuất nhập khẩu I. Khái quát về hợp đồng xuất nhập khẩu II. Các loại hợp đồng trong hoạt động xuất nhập khẩu III. Những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng xuất nhập khẩu	5
Chương 5: Thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu I. Khái quát về thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu II. Những phương thức thanh toán quốc tế phổ biến. III. Những vấn đề pháp lý trong thanh toán quốc tế.	5
Chương 6: Chứng từ trong hoạt động xuất nhập khẩu I. Hệ thống các chứng từ xuất nhập khẩu II. Chứng từ trong hợp đồng III. Chứng từ trong thanh toán IV. Các loại chứng từ khác	5
Tổng cộng	30

8. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Nguyễn Thừa Lộc (2008), *Giáo trình Luật hải quan Việt Nam và quốc tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Thuế xuất nhập khẩu 2016
2. Luật Thuế hải quan 2014

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

9. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Quản lý Nhà nước về hộ tịch
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật Kinh tế
- Mô tả học phần**

Học phần cung cấp một số vấn đề cơ bản về công tác hộ tịch; Đăng ký hộ tịch không có yếu tố nước ngoài; Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài. Cấp lại bản sao các giấy tờ hộ tịch, cấp lại bản chính giấy khai sinh

8. Mục tiêu học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết khái quát về khái niệm hộ tịch, tầm quan trọng của quản lý hộ tịch, lịch sử hình thành và phát triển của quản lý hộ tịch ở Việt Nam, các qui định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nội dung và thủ tục đăng ký và quản lý hộ tịch, các phương hướng đổi mới trong công tác hộ tịch ở Việt Nam.

9. Nội dung học phần

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Sơ lược về chế độ quản lý hộ tịch ở Việt Nam	5
Chương 2: Khái niệm và nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch	5
Chương 3: Hệ thống quản lý nhà nước về hộ tịch và các hình thức quản lý đối với hộ tịch	10
Chương 4: Thẩm quyền và thủ tục đăng ký hộ tịch	10
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Tập bài giảng

Tập bài giảng quản lý nhà nước về hộ tịch, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Hộ tịch 2014

2. Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn Luật Hộ tịch

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Thực tập tốt nghiệp
- Số tín chỉ:** 04
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 60 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên giảng dạy):** Bộ môn Luật Kinh tế
- Mô tả học phần**

Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối giáo dục chuyên nghiệp của ngành Luật. Học phần có vai trò trọng yếu trong việc tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên tiếp cận với hoạt động thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. Sinh viên có dịp thể hiện mình như một cán bộ hoạt động trên lĩnh vực Kinh tế, Luật.

8. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm chắc kiến thức lý thuyết có kỹ năng thực hành sau đây:

Lý thuyết: Củng cố tất cả những lý thuyết đã được học trong chương trình đào tạo ngành Luật. Đó là những nhận thức về lý luận chính trị, xã hội, đó là những lý thuyết thuộc kiến thức chuyên nghiệp

Thực hành: Vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thành hoạt động thực tập tại một cơ quan Luật, Tổ chức Kinh tế – Xã hội cụ thể. Tham gia giải quyết những hoạt động có liên quan đến nghiệp vụ Luật

9. Nội dung học phần

Trong thời gian 2 tháng, sinh viên được phân chia thành từng nhóm (mỗi nhóm không quá 5 người) về tại một cơ quan Luật, Doanh nghiệp, Kinh tế – Xã hội để thực tập tốt nghiệp. Ở đó, từng người đảm nhận những nhiệm vụ cụ thể dưới sự hướng dẫn của các cán bộ tại cơ quan. Mỗi sinh viên trong đợt thực tập tốt nghiệp không những học tập, tích lũy kiến thức thực tế, trao đổi kinh nghiệm học tập mà còn phải tham gia nghiên cứu các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến ngành học.

10. Phương pháp đánh giá

Kết thúc học phần thực tập tốt nghiệp, mỗi sinh viên hoàn thành hồ sơ thực tập tốt nghiệp. Hồ sơ gồm có: báo cáo thực tập tốt nghiệp (trình bày công việc đã làm và kết quả, nhận thức của bản thân qua đợt thực tập). Báo cáo có xác nhận của cơ quan thực tập tốt nghiệp.

Khoa chủ quản sẽ chấm điểm hồ sơ thực tập theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong đó:

Nội dung bài báo cáo: 60%

Tinh thần thái độ qua đợt thực tập: 40%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis) – Luật học

2. Số tín chỉ: 06

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành: Luật học

3. Phân bổ thời gian: 90 tiết lý thuyết

4. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế

5. Điều kiện những sinh viên làm khóa văn tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật dành cho những sinh viên đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Điểm tổng kết tất cả các học phần phải từ 6,5 trở lên

+ Không có học phần nào dưới 5;

+ Không vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

+ Trong trường hợp số lượng sinh viên đạt 3 tiêu chuẩn trên nhiều thì mỗi khoá cũng chỉ chọn 30% sĩ số từ cao xuống thấp để làm khóa luận.

6. Mô tả học phần

Khoá luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp của ngành Luật. Nó có giá trị như môn thi tốt nghiệp.

Học phần có vai trò quyết định trong việc hoàn tất chương trình đào tạo ngành Luật. Trong giai đoạn thực hiện học phần này, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên ngành, sinh viên có trách nhiệm vận dụng những kiến thức và kỹ năng của các học phần trong chương trình để tiến hành hoạt động nghiên cứu với một đề tài xác định để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

7. Mục tiêu học phần:

Bằng một đề tài tự chọn, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, luận văn giải quyết một vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực Luật

Bảo vệ khóa luận đó trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng trường đại học Nam Cần Thơ quyết định

8. Nội dung học phần:

Chuẩn bị đề cương khóa luận tốt nghiệp

Bảo vệ đề cương khóa luận trước Hội đồng chuyên môn BM

Thực hiện khóa luận tốt nghiệp

Nghiên cứu, phân tích tài liệu nghiên cứu, thực tập

Xử lý số liệu và viết báo cáo

Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước Hội đồng BV KLTN Khoa

9. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá học phần: Điểm của học phần là trung bình cộng của 3 cột điểm sau:

- + Đánh giá đề án KLTN của CB hướng dẫn
- + Đánh giá đề án KLTN của CB phản biện
- + Đánh giá đề án KLTN của HĐ bảo vệ KLTN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Nghiệp vụ tòa án
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:** Học phần Nghiệp vụ tòa án đi sâu nghiên cứu về cơ cấu tổ chức hệ thống tòa án của nước Việt Nam, các chức danh trong ngành Tòa án, quyền và nghĩa vụ của những người tiến hành tố tụng...từ đó đưa ra những nghiệp vụ cần thiết ở mỗi chức danh khi giải quyết vụ án hình sự hay khi giải quyết các tranh chấp dân sự
- Mục tiêu học phần:** Sinh viên chính quy chuyên ngành Luật, ngoài việc nắm vững các ngành luật nội dung cũng cần phải có những kiến thức về nghiệp vụ để có thể vận dụng và áp dụng pháp luật vào việc giải quyết các vụ án hình sự, dân sự . . .
- Nội dung học phần:**

Tên chương	Số tiết
Chương 1: Khái niệm về tòa án Việt Nam	4
Chương 2: Hệ thống tòa án Việt Nam	4
Chương 3: Nghiệp vụ của chánh án	4
Chương 4: Nghiệp vụ của thẩm phán	4
Chương 5: Nghiệp vụ của hội thẩm nhân dân	4
Chương 6: Nghiệp vụ của thư ký tòa án	5
Chương 7: Kỹ thuật ghi biên bản phiên tòa	5
Tổng	30

8. Tài liệu tham khảo

Hoàng Lê Minh, *Giáo trình nghiệp vụ văn thư*, NXB Văn hóa - Thông tin.

9. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện hành chính**
- Số tín chỉ: 02**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành: Luật học**
- Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- Mô tả học phần:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trình tự thủ tục khiếu nại và khởi kiện vụ án hành chính và thủ tục giải quyết khiếu nại, khiếu kiện vụ án hành chính.
- Mục tiêu học phần:** Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trình tự thủ tục khiếu nại và khởi kiện vụ án hành chính và thủ tục giải quyết khiếu nại, khiếu kiện vụ án hành chính.
- Nội dung học phần:**

Nội dung	Số tiết
Phần A: Pháp luật về khiếu nại hành chính Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về khiếu nại Chương 2: Chủ thể khiếu nại và chủ thể giải quyết khiếu nại Chương 3: Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính Chương 4: Thi hành quyết định giải quyết khiếu nại	14
Phần B: Pháp luật về khởi kiện vụ án hành chính Chương 5: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hành chính Việt Nam Chương 6: Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết vụ án hành chính Chương 7: Những thủ tục trước khi mở phiên tòa Chương 8: Thủ tục xét xử vụ án hành chính	16
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Nguyễn Cửu Việt (2015), *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, NXB Hồng Đức.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Hành chính công 2017
2. Luật khiếu nại 2011

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Pháp luật về quyền con người
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành học:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:** Quyền con người luôn được các quốc gia quan tâm và được bảo vệ bằng pháp luật. Trên cơ sở nhận thức chung về quyền con người, chuyên đề đi sâu nghiên cứu cơ chế bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực dân sự: bảo vệ quyền con người trong pháp luật dân sự, tố tụng dân sự, hôn nhân gia đình và lao động. Đây là những lĩnh vực thiết thực gắn bó với đời sống hàng ngày nên có rất nhiều thông tin có ý nghĩa.

8. Mục tiêu học phần:

▪ Về kiến thức

Học môn học này, sinh viên sẽ tiếp nhận được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, tính và những đặc điểm cơ bản của quyền con người; mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân đặc biệt là trong lĩnh vực luật dân sự; các cơ chế bảo đảm và thúc đẩy quyền con người phát triển trên phạm vi quốc tế cũng như quốc gia; đặc biệt là quan điểm, chính sách và pháp luật của Việt Nam đối với vấn đề bảo đảm và thúc đẩy quyền con người phát triển trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về những vấn đề của quyền con người và các cơ chế đảm bảo quyền con người và vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng xã hội dưới góc độ nhân quyền

▪ Về kỹ năng

Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học khác, nhất là các môn khoa học xã hội trong chương trình đào tạo đại học.

Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn xã hội dưới phương diện nhân quyền, đặc biệt là trong lĩnh vực luật dân sự.

Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về nhân quyền

Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

▪ **Về thái độ**

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lý đặc biệt là những hiện tượng vi phạm quyền con người trong đời sống xã hội đặc biệt là trong lĩnh vực Luật dân sự;

Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

Xác định đúng vị trí, vai trò của lý luận và pháp luật về quyền con người trong hệ thống khoa học pháp lý nói riêng, khoa học xã hội nói chung trong chương trình đào tạo cử nhân.

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết
<p>Vấn đề 1. Những vấn đề lý luận về quyền con người</p> <p>1.1. Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người</p> <p>1.2. Khái niệm quyền con người</p> <p>1.3. Các tính chất của quyền con người</p> <p>1.4. Các đặc điểm của quyền con người</p> <p>1.5. Các thể hệ quyền con người</p> <p>1.6. Phân biệt quyền con người với quyền công dân</p>	6
<p>Vấn đề 2. Khái quát pháp luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.3. Phân loại quyền con người trong Luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.4. Nguồn của Luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.5. Chủ thể, khách thể của Luật quốc tế về quyền con người</p>	6
<p>Vấn đề 3. Cơ chế pháp lý bảo vệ và thúc đẩy quyền con người</p> <p>3.1. Cơ chế pháp lý toàn cầu bảo vệ và thúc đẩy quyền con người</p> <p>3.2. Cơ chế pháp lý khu vực bảo vệ và thúc đẩy quyền con người</p> <p>3.3. Nghĩa vụ của quốc gia trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người</p>	6
<p>Vấn đề 4. Pháp luật và cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam</p> <p>4.1. Khái quát quan điểm của Việt Nam về bảo đảm và thúc đẩy quyền con người</p> <p>4.2. Các điều kiện bảo đảm và thúc đẩy quyền con người phát triển ở nước ta</p> <p>4.3. Bảo đảm các quyền dân sự chính trị</p> <p>4.4. Bảo đảm các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội</p> <p>4.5. Bảo vệ quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương</p>	12
Tổng	30

10. Tài liệu tham khảo

❖ Sách

1. Mai Hồng Quý (2014), *Quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, NXB Hồng Đức.
2. Nguyễn Thị Phương Nga (2014), *Luật Hình sự quốc tế với việc đảm bảo quyền con người*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Văn bản pháp luật

1. Công ước về quyền trẻ em 1990
2. Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa và Trừng trị Tội ác Diệt chủng 1948
3. Công ước Quốc tế về Không áp dụng những hạn chế luật pháp đối với các Tội phạm Chiến tranh và Tội chống Nhân loại 1968
4. Công ước quốc tế về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979
4. Hiến pháp 2013

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng
- Số tín chỉ:** 02
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành học:** Luật học
- Phân bổ thời gian:** 30 tiết lý thuyết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- Mô tả học phần:**

Học phần này có các nội dung chính:

- + Khái quát về quyền lợi người tiêu dùng: Nghiên cứu về các khái niệm “người tiêu dùng”, “quyền lợi người tiêu dùng”, Vai trò, ý nghĩa của quyền lợi người tiêu dùng.
- + Các quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Nghiên cứu về các quy định của pháp luật Việt Nam và thế giới về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- + Thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam: nghiên cứu về thực tiễn các vi phạm của thương nhân về quyền lợi người tiêu dùng và thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp cho sinh viên hiểu được quyền lợi của người tiêu dùng và các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	TL /bài tập
Chương 1: Khái quát về quyền lợi người tiêu dùng 1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò, ý nghĩa của quyền lợi người tiêu dùng	8	8	
Ch 2: Các quy định của pháp luật về quyền lợi người tiêu dùng 2.1. Tính tất yếu của việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2.2. Pháp luật về việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở VN.	12	12	
Chương 3: Thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam 3.1. Một số vi phạm quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam 3.2. Vấn đề áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	10	10	
Tổng	30	30	

10. Tài liệu tham khảo

❖ Giáo trình

Phan Huy Hồng (2012), *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

❖ Văn bản pháp luật

1. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010

2. Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

11. Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).